

BẢN TIN

PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Số 07 - 2019

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI



Quy định và thực tiễn của
Việt Nam về điều tra chống
lẩn tránh biện pháp phòng
vệ thương mại



Quy định, quy trình điều tra chống lẩn tránh
thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp
của Liên minh châu Âu (EU)

Lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại -
nghiên cứu tổng quan về quy định của Việt
Nam, quốc tế và thực tiễn áp dụng đối với
hàng nhập khẩu, xuất khẩu của Việt Nam



BỘ CÔNG THƯƠNG CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Cục Phòng vệ thương mại là tổ chức thuộc Bộ Công Thương, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với lĩnh vực chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ; tổ chức, quản lý hoạt động sự nghiệp dịch vụ công thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

Với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Quyết định số 3752/QĐ-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2017, Cục Phòng vệ thương mại hoạt động nhằm hỗ trợ, giúp các doanh nghiệp, hiệp hội và các cơ quan có liên quan của Việt Nam hiểu rõ hơn về các biện pháp phòng vệ thương mại, đặc biệt là kinh nghiệm trong việc chuẩn bị, ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại do nước ngoài áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam cũng như việc Việt Nam áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng nhập khẩu bảo vệ sản xuất trong nước.

Mục lục

- 4** Lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại - nghiên cứu tổng quan về quy định quốc tế và thực tiễn áp dụng đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam
- 12** Quy định, quy trình điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp của Liên minh châu Âu (EU)
- 26** Quy định và thực tiễn của Việt Nam về điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại

Giấy phép xuất bản số 25/GP-XBBT
Cấp ngày 11 tháng 4 năm 2019

Phát hành 1 số/Quý

NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Lê Triệu Dũng
Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại

**Tổ chức sản xuất và phát hành
TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ CẢNH BÁO (CIEW)**

25 Ngô Quyền - Hà Nội
ĐT: (024)3939 3423 - Fax: (024) 7303 7897

Phát hành tại

Công ty phát hành báo chí Trung ương

Ban Biên tập Bản tin Phòng vệ thương mại xin trân trọng cảm ơn và nghiêm túc tiếp thu ý kiến đóng góp của độc giả nhằm nâng cao chất lượng của Bản tin. Mọi ý kiến đóng góp, thư từ, tin, bài xin gửi về:

Ban Biên tập Bản tin Phòng vệ thương mại

25 Ngô Quyền - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: (024) 73037898 - Fax: (024) 7303 7897 - Email: ciew@moit.gov.vn



**Lẩn tránh biện pháp phòng vệ
thương mại - nghiên cứu tổng quan
về quy định quốc tế và thực tiễn
áp dụng đối với hàng xuất khẩu
của Việt Nam**

Thời gian vừa qua, có 2 xu thế: xu thế tự do hoá thương mại, dỡ bỏ các rào cản thuế quan dẫn tới các nước phải cạnh tranh với hàng nhập khẩu và xu thế các nước tăng cường sử dụng biện pháp Phòng vệ thương mại (PVTM) (bao gồm chống bán phá giá (CBPG), chống trợ cấp (CTC), tự vệ để bảo hộ ngành sản xuất trong nước, cùng với xung đột thương mại giữa các nước ngày càng leo thang- dẫn đến các vụ việc (CLT) biện pháp PVTM cũng ngày càng gia tăng do bản chất của vụ việc PVTM thường hướng đến mặt hàng có xuất xứ từ một hoặc một số nước nhất định, vì vậy tạo động cơ cho hành vi lẫn tránh nhằm hưởng lợi đối với chênh lệch thuế nhập khẩu. Đặc biệt khi Mỹ áp thuế với Trung Quốc thì khả năng lẫn tránh qua Việt Nam hoặc, Việt Nam cũng tăng cường điều tra PVTM để bảo vệ ngành sản xuất trong nước dẫn tới khả năng hàng nhập khẩu lẫn tránh. Vì vậy, nghiên cứu về điều tra CLT để hiểu về quy định của các nước, thế nào bị coi là lẫn tránh, nghiên cứu quy định của Việt Nam để có hành động kịp thời bảo vệ mình trước nguy cơ hàng nhập khẩu lẫn tránh là rất cần thiết. Vừa qua, Thủ tướng đã ban hành Quyết định 824/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2019 về tăng cường quản lý Nhà nước về CLT PVTM, gian lận xuất xứ rất kịp thời để chỉ đạo các Bộ ngành liên quan có hành động trước tình trạng lẫn tránh biện pháp PVTM, gian lận xuất xứ.

Bài nghiên cứu này tập trung vào vấn đề lẫn tránh biện pháp PVTM: giới thiệu tổng quan; quy định của một số nước, quy định của Việt Nam, thực tiễn vụ việc nước ngoài điều tra CLT với hàng xuất khẩu của Việt Nam, vụ việc Việt Nam điều tra CLT với hàng nhập khẩu và giới thiệu nội dung chính của Đề án 824.

Vấn đề chống lẫn tránh biện pháp PVTM (chống lẫn tránh) không được quy định tại Hiệp định của WTO mà tùy các nước tự quy định tại nội luật. Đối với Việt Nam, vấn đề CLT gần đây mới được quy định tại Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định 10/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều về Luật Quản lý ngoại thương. Vấn đề CLT được biết đến ở Việt Nam chủ

yếu qua các vụ kiện với hàng xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt là CLT biện pháp CBPG/CTC.

1. Tổng quan về chống lẫn tránh biện pháp PVTM

1.1 Khái niệm, đặc điểm

1.1.1 Khái niệm

Theo quy định tại Điều 72.1 Luật Quản lý ngoại thương, lẫn tránh biện pháp PVTM là “hành vi trốn tránh một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thực thi biện pháp PVTM đang có hiệu lực đối với hàng hoá thuộc đối tượng áp dụng biện pháp này khi nhập khẩu vào lãnh thổ Việt Nam”.

Theo quy định của Canada, lẫn tránh biện pháp PVTM là phương thức thay đổi hoạt động thương mại và kinh doanh nhằm mục đích tránh nghĩa vụ thực thi biện pháp PVTM.

1.1.2 Đặc điểm

Trong vụ việc CLT, biện pháp PVTM sẽ được mở rộng áp dụng với hàng hoá lẫn tránh¹ (tức là sẽ áp mức thuế chống lẫn tránh bằng với thuế PVTM) và biện pháp CLT sẽ chấm dứt khi biện pháp PVTM chấm dứt.² Đây cũng là đặc điểm chung được nhiều nước quy định.

1.2 Hình thức, hành vi lẫn tránh

1.2.1 Lẫn tránh đơn giản

Hành vi lẫn tránh đơn giản thông dụng là việc chuyển tải hàng hoá sang nước thứ 3 để lấy xuất xứ của nước chuyển tải (EU, Úc, Việt Nam quy định về hành vi này).

Các hình thức khác như: khai sai xuất xứ, khai sai mô tả sản phẩm, dán lại nhãn hàng hoá, khai dưới giá (khai trị giá nhập khẩu thấp hơn trị giá nhập khẩu thực tế)... Đa số các hành vi này là bất hợp pháp và nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan, pháp luật hình sự thì có thể bị phạt, thậm chí bị đi tù (đối với doanh nghiệp nhập khẩu) theo quy định pháp luật.

1.2.2 Lẫn tránh phức tạp

Có một số hình thức lẫn tránh phức tạp chung. Các hình thức lẫn tránh này không bị cấm (vì thông thường có trải qua một số công đoạn gia công, sản xuất) nhưng bị điều chỉnh bởi biện pháp CLT (nếu đáp

ứng đủ điều kiện để bị coi là lẫn tránh biện pháp PVTM), cụ thể như sau

a. Lẫn tránh sản phẩm thượng nguồn –upstream (sản phẩm đầu vào) (lắp ráp tại nước nhập khẩu)

Hình thức này xảy ra khi công ty X từ nước A (nước xuất khẩu bị áp thuế) không xuất khẩu trực tiếp sản phẩm bị áp thuế PVTM sang nước B (nước nhập khẩu, áp thuế) mà xuất khẩu linh kiện sang nhà máy của công ty ở nước B để lắp ráp thành sản phẩm tương tự sản phẩm bị áp thuế PVTM.

Khi xem xét hành vi này, cần xem các yếu tố: (i) có lệnh áp thuế PVTM hay không, (ii) linh kiện được xuất khẩu từ nước bị áp thuế chiếm tỷ lệ như thế nào (ví dụ một số nước không quy định rõ tỷ lệ mà chỉ quy định “chiếm tỷ lệ đáng kể”, tuy nhiên, EU quy định nếu linh kiện chiếm hơn 60% trị giá sản phẩm thì có dấu hiệu cho thấy có hành vi lẫn tránh; (iii) trị giá gia tăng giữa sản phẩm lẫn tránh với linh kiện nhập khẩu (ví dụ EU quy định nếu trị giá này chiếm dưới 25% chi phí sản xuất thì có dấu hiệu cho thấy có hành vi lẫn tránh); (iv) việc lắp ráp đáng kể có bắt đầu hoặc gia tăng kể từ khi có biện pháp PVTM?. Hành vi này là hành vi phổ biến được nhiều nước quy định như Hoa Kỳ, EU, Brazil, Thổ Nhĩ Kỳ, Úc, Canada, Việt Nam.

b. Lẫn tránh sản phẩm hạ nguồn (sản phẩm ở công đoạn sau)

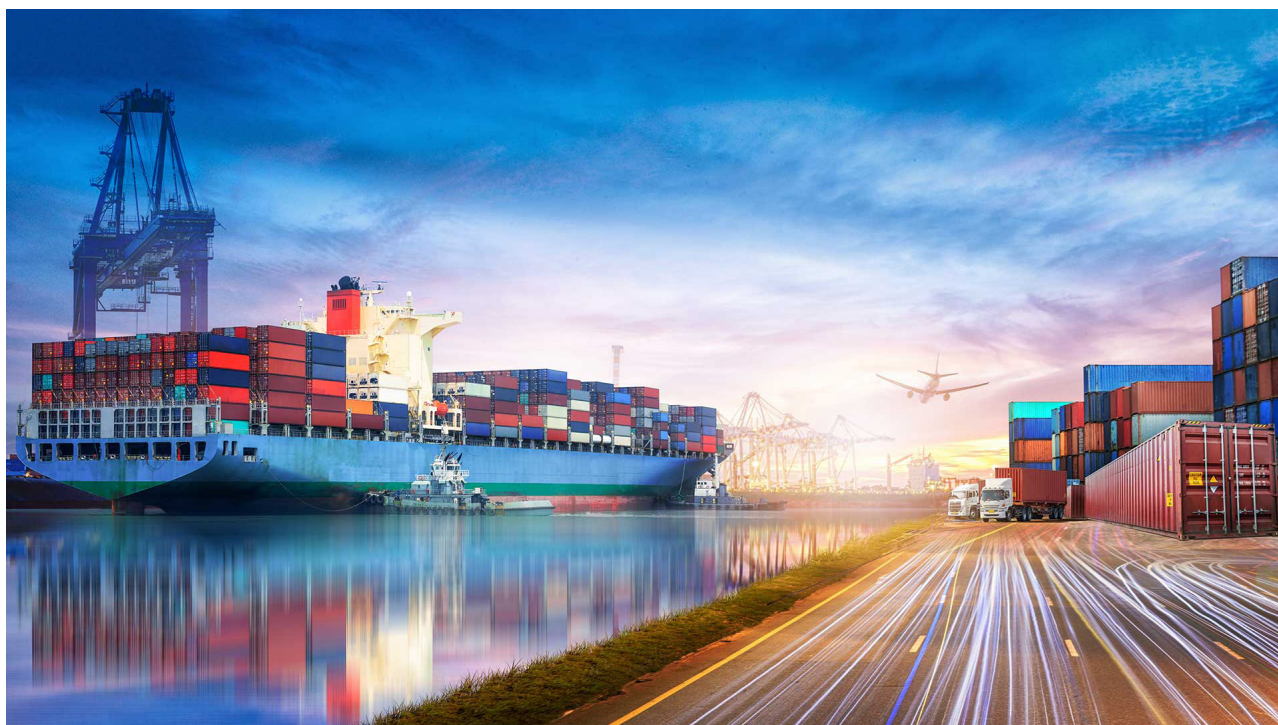
Hình thức này chỉ có Hoa Kỳ quy định, theo đó nước bị áp thuế bổ sung linh kiện quan trọng đang bị áp thuế vào một sản phẩm không bị áp thuế để xuất khẩu sản phẩm đó sang nước áp thuế. Các yếu tố xem xét để xác định hành vi này là: (i) trị giá của linh kiện; (ii) mức độ thay đổi đáng kể của linh kiện; (iii) mối liên kết giữa các nhà sản xuất.

c. Lẫn tránh sản phẩm (thay đổi nhỏ sản phẩm, sản phẩm thuộc thể hệ sau)

Hành vi này liên quan đến việc thay đổi nhỏ/không đáng kể sản phẩm (như quy định của EU, Brazil, Thổ Nhĩ Kỳ, Úc, Hoa Kỳ).

Ngoài ra, Hoa Kỳ còn quy định về lẫn tránh thông qua sản phẩm thế hệ mới (later-developed product), theo đó, các tiêu chí để Hoa Kỳ xem xét

1 Điều 72.1 Luật QLNT.
2 Điều 83.3 Nghị định 10.



hành vi lẫn tránh là: đặc tính vật lý, sự chấp nhận của người mua, mục đích sử dụng, kênh thương mại, sự quảng cáo, bày bán)

d. Lẩn tránh thông qua lắp ráp tại nước thứ 3

Hành vi này giống với trường hợp a (lẩn tránh upstream). Tuy nhiên, có điểm khác là việc lắp ráp tiến hành tại nước thứ 3 (nước không bị áp thuế), còn lẩn tránh upstream là lắp ráp tại nước áp thuế. Các yếu tố xem xét như: (i) xu hướng thương mại (pattern of trade), (ii) mối liên kết giữa các doanh nghiệp; (iii) lượng nhập khẩu từ nước thứ 3 có tăng sau khi áp thuế? Đây cũng là hành vi phổ biến, các nước đều có quy định. Hàng xuất khẩu của Việt Nam hay bị áp dụng hình thức lẩn tránh này (Việt Nam bị coi là nước thứ 3).

e. Lẩn tránh thông qua công ty có mức thuế thấp hơn

Trong một vụ việc chống bán phá giá, chống trợ cấp, thông thường sẽ có những mức thuế khác nhau cho các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nước ngoài (bị đơn) như mức thuế dành cho bị đơn bắt buộc (dành riêng cho từng công ty được chọn là bị đơn bắt buộc, các công ty này thông thường sẽ có mức thuế khác nhau và thường sẽ thấp hơn các mức thuế của các doanh nghiệp khác), mức thuế dành cho bị đơn tự nguyện (bị đơn

không được lựa chọn là bị đơn bắt buộc nhưng tự nguyện tham gia vụ việc, mức thuế với bị đơn này thường là mức bình quân gia quyền của mức thuế các bị đơn bắt buộc), mức thuế suất toàn quốc (thường áp dụng với các nước bị coi là có nền kinh tế phi thị trường) là mức thuế sẵn có bất lợi (thường là mức thuế cao nhất). Vì vậy, có thể xảy ra hiện tượng công ty có mức thuế cao và công ty có mức thuế thấp hơn kết hợp với nhau để xuất khẩu thông qua công ty có mức thuế thấp. Hình thức này được EU, Thổ Nhĩ Kỳ, Úc, Việt Nam quy định

f. Lẩn tránh thông qua hệ thống công ty đa quốc gia (country hopping)

Hình thức này được các công ty đa quốc gia có trụ sở ở nhiều nước tận dụng. Hình thức này có nhiều điểm giống với lắp ráp tại nước thứ 3. Tuy nhiên, điểm khác là nhà máy tại nước lắp ráp đã tồn tại trước đó, sử dụng linh kiện từ nước lắp ráp hoặc từ nước khác (không phải nước bị áp thuế); không quy định về tỷ lệ % chi phí của linh kiện.

g. Lẩn tránh của công ty vi phạm nhiều lần (repeat corporate offender)

Đây là quy định riêng có của Hoa Kỳ và chỉ áp dụng với hành vi lẩn tránh biện pháp CBPG, thường xảy ra với các sản phẩm vòng đời ngắn, sản phẩm công nghệ cao (như điện thoại, tivi...), sản xuất theo series từng năm

để lẩn tránh. Theo đó, ví dụ một sản phẩm điện thoại thông minh bị áp thuế CBPG năm 2017, thì năm 2018, 2019 doanh nghiệp đã sản xuất ra dòng điện thoại đời sau (là sản phẩm không bị áp thuế). Khi đó, Cơ quan điều tra lại áp biện pháp CBPG với sản phẩm đời sau này, tức là doanh nghiệp bị coi là vi phạm nhiều lần (bị áp thuế nhiều lần). Vì tính chất của sản phẩm có vòng đời ngắn nên thời hạn điều tra vụ việc này ngắn hơn, vì nếu thời hạn điều tra quá dài thì doanh nghiệp đã kịp cải tiến thành sản phẩm khác nên sẽ vô hiệu hóa biện pháp.

h. Lẩn tránh thông qua thay đổi giá các dạng khác nhau của sản phẩm (fictitious market)

Quy định này riêng Hoa Kỳ có và cũng chỉ áp với lẩn tránh biện pháp CBPG. Theo đó, một sản phẩm có thể có nhiều dạng khác nhau (ví dụ sản phẩm thuốc có dạng thuốc viên và thuốc con nhộng), sản phẩm bị áp thuế CBPG là thuốc viên, khi đó, doanh nghiệp xuất khẩu sẽ hạ giá bán sản phẩm thuốc viên tại thị trường nước mình và tăng giá bán thuốc con nhộng, điều này làm giảm trị giá thông thường của thuốc viên (giá bán tại thị trường nước xuất khẩu) nên làm giảm biên độ phá giá với thuốc viên nhưng thực chất lợi nhuận đã được bù nhờ bán thuốc con nhộng với giá cao hơn.

1.3 Điều kiện điều tra

Thông thường một cuộc điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM phải đáp ứng các điều kiện sau: tồn tại hành vi lẩn tránh; có thay đổi xu hướng thương mại (giữa nước nhập khẩu với nước bị áp thuế, nước thứ 3); có mối liên hệ giữa việc thay đổi xu hướng thương mại với việc áp thuế PVTM; có bằng chứng về thiệt hại hoặc suy giảm hiệu quả của biện pháp PVTM (về giá/lượng); bằng chứng về phá giá hoặc sản phẩm lẩn tránh được hưởng trợ cấp.

1.4 Quy trình điều tra

Thông thường một vụ việc điều tra CLT thường có các bước sau: nộp hồ sơ yêu cầu; thẩm định tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; thông báo bổ sung nếu chưa đầy đủ, hợp lệ; trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì thẩm định hồ sơ để khởi xướng; gửi bảng câu hỏi cho các bên liên quan; nhận bản trả lời câu hỏi; thẩm tra tại chỗ doanh nghiệp; tham vấn công khai (nếu có); ban hành quyết định sơ bộ (nếu có); các bên bình luận về quyết định (lưu ý: các bước thẩm tra, tham vấn công khai, quyết định sơ bộ có thể thay đổi thứ tự cho nhau tùy vào quy

định, thông lệ mỗi nước); ban hành quyết định cuối cùng.

1.5 Trình tự, thủ tục và 1 số nội dung liên quan

Có một số nội dung có thể xem xét do các nước có quy định, thông lệ khác nhau:

- Quy định chung, riêng giữa chống lẩn tránh biện pháp CBPG, CTC và tự vệ: Ví dụ: EU có quy định riêng cho CLT CBPG, CLT CTC. Tuy nhiên, Hoa Kỳ, Brazil, Úc, Canada lại quy định chung cho CLT CBPG, CTC (không quy định về CLT biện pháp tự vệ). Ngược lại, Việt Nam và Thổ Nhĩ Kỳ có quy định chung cho cả 3 biện pháp.

- Cơ quan điều tra: thông thường cũng là Cơ quan điều tra vụ việc PVTM. Như: Hoa Kỳ (Bộ Thương mại- DOC, Ủy ban Thương mại quốc tế-ITC), EU (Ủy ban Châu Âu- EC), Canada (Cơ quan Dịch vụ Biên giới- CBSA, Tòa Thương mại quốc tế- CITT), Úc (Ủy ban Chống bán phá giá), Brazil (Cục Phòng vệ thương mại), Việt Nam (Cục Phòng vệ thương mại Bộ Công Thương). Ở một số nước, trường hợp nếu hành vi thuộc diện gian lận xuất xứ, chuyển

tải bất hợp pháp (không nhất thiết là để lẩn tránh biện pháp PVTM vì có thể biện pháp PVTM không áp với hàng hoá nhập khẩu) thì sẽ do cơ quan khác điều tra (ví dụ Hoa Kỳ là Cơ quan Hải quan và bảo vệ biên giới Customs and Border Protection CBP, EU là Cơ quan điều tra chống gian lận OLAF....)

- Thời gian điều tra: các nước có quy định khác nhau về vấn đề này. Ví dụ: Hoa Kỳ quy định là 300 ngày, EU (9 tháng); Việt Nam: 6 tháng + gia hạn 6 tháng; Úc (155 ngày+ gia hạn); Brazil: 6 tháng + gia hạn 3 tháng; Canada: 180-240 ngày; Thổ Nhĩ Kỳ: không quy định

- Đăng ký hải quan (registration) khi khởi xướng điều tra để có thể áp dụng hối tố (thu thuế kể từ thời điểm điều tra): EU có quy định này.

- Hối tố: một số nước có quy định như EU, Thổ Nhĩ Kỳ, Úc.

- Quyết định sơ bộ: các nước không quy định

- Loại trừ sản phẩm: EU quy định.



- Rà soát: tư pháp (khiếu nại), rà soát trong kỳ, cuối kỳ, nhà xuất khẩu mới:

Rà soát tư pháp (Hoa Kỳ, Úc, Canada); rà soát trong kỳ/hành chính (Hoa Kỳ, EU, Canada); rà soát cuối kỳ (các nước không quy định); rà soát nhà xuất khẩu mới (Canada)

- Tham vấn công khai: các nước không quy định, tuy nhiên với Việt Nam đây là bước bắt buộc³

- Ngày áp thuế: kể từ ngày khởi xướng (Canada, EU); kể từ ngày ban hành quyết định áp thuế CLT (Việt Nam)

- Áp thuế với doanh nghiệp không lẫn tránh, doanh nghiệp hợp tác:

+ Doanh nghiệp không lẫn tránh: không bị áp thuế (Canada, Thổ Nhĩ Kỳ)

+ Doanh nghiệp hợp tác: không bị áp (Thổ Nhĩ Kỳ); vẫn bị áp (Hoa Kỳ)

- Cam kết giá: Brazil có quy định

- Biện pháp đảm bảo (để hồi tố): Úc quy định

Đối với Việt Nam, Việt Nam chỉ có quy định cụ thể về vấn đề tham vấn mà không có quy định về đa số các vấn đề nêu trên (gửi bằng câu hỏi, đăng ký hải quan, hồi tố, quyết định sơ bộ, rà soát, cam kết giá, thẩm tra, loại trừ...), tuy nhiên, do việc áp dụng biện pháp CLT là biện pháp mở rộng của biện pháp PVTM nên trên thực tế, Việt Nam vẫn áp dụng một số trình tự thủ tục của vụ việc PVTM liên quan trong vụ việc CLT (như thẩm tra tại chỗ, loại trừ...).

2. Quy định của một số nước

2.1 Quy định tại các dự thảo tại Vòng Đàm phán Uruguay

Tại Vòng đàm phán Uruguay, các thành viên đã đàm phán về nội dung chống lẫn tránh thuế CBPG. Kết quả là có 1 số dự thảo lời văn. Mặc dù sau đó không thống nhất được nhưng đây là nội dung được các nước tham khảo đưa vào nội luật của mình, cụ thể:

- Lời văn Carlise I (7/1990): quy định về lẫn tránh thượng nguồn, qua

nước thứ 3, country hopping, biện pháp tạm thời, hồi tố.

- Lời văn Carlise II (8/1990): Mở rộng hơn phạm vi điều tra (kể từ khi khởi xướng thay thế cho dự thảo Carlise I là kể từ khi áp thuế), bỏ quy định về hồi tố; có quy định về rà soát, hoàn thuế, trường hợp phải/không phải điều tra riêng rẽ về phá giá, thiệt hại

- Lời văn New Zealand (1,2,3): quy định về bằng chứng phá giá với lẫn tránh upstream, qua nước thứ 3; quy định về biện pháp tạm thời.

- Lời văn Dunkel⁵ (12/1991): Quy định chi tiết yếu tố xem xét lẫn tránh upstream (tỷ lệ chi phí linh kiện so với tổng chi phí: test 70%, test 25% về trị giá gia tăng so với chi phí xuất xưởng (quy định rõ cấu thành chi phí); bằng chứng về việc biện pháp CLT là cần thiết để ngăn ngừa thiệt hại; quy định chi tiết lẫn tránh qua nước thứ 3 (phải điều tra phá giá, thiệt hại); hồi tố; rà soát, hoàn thuế (áp với upstream); yêu cầu tuân thủ điều kiện về quyền của các bên, thông báo công khai theo quy định của CBPG.

Do các Thành viên không thể thống nhất về lời văn, tháng 12/1993, Quyết định của các Bộ trưởng về vấn đề CLT đã được ban hành với nội dung do “không thể thống nhất bằng văn bản vấn đề CLT....mong muốn áp dụng một quy định chung về vấn đề CLT....chuyển cho Ủy ban CBPG thực thi theo Hiệp định CBPG để giải quyết”. Quyết định này được EU, Hoa Kỳ diễn giải coi như cho phép các nước có thể áp dụng biện pháp CLT theo nội luật.

Sau Quyết định của Bộ trưởng, các nước cũng đã cố gắng đưa ra dự thảo lời văn về CLT trong Hiệp định CBPG (4/1997), theo đó quy định 3 loại lẫn tránh (lắp ráp linh kiện nhập khẩu từ nước bị áp thuế, lắp ráp ở nước thứ 3 và hàng hoá thay đổi nhỏ) nhưng cũng chưa đạt được đồng thuận. Hiện nay, tại phiên họp của Ủy ban CBPG WTO (họp định kỳ 1 năm 2 lần vào tháng 4, tháng 10 hàng năm) đều họp về vấn đề này tuy nhiên cũng không có tiến triển.

2.2 Quy định một số nước

Các nước ngoài một số vấn đề có nhận thức, quy định chung thì cũng có nhiều vấn đề các nước còn có cách tiếp cận khác nhau. Dưới đây là nghiên cứu sơ bộ về một số điểm chính trong quy định một số nước tích cực sử dụng biện pháp và một số nước đã từng điều tra CLT với hàng xuất khẩu của Việt Nam (Hoa Kỳ, EU, Brazil, Thổ Nhĩ Kỳ).

2.2.1 Hoa Kỳ

- Quy định chung về CLT CBPG/CTC tại Đạo luật Thương mại 1988, Đạo luật Các Hiệp định về vòng đàm phán Uruguay (URAA)

- Hình thức lẫn tránh: lắp ráp ở Hoa Kỳ, ở nước ngoài, thay đổi nhỏ với hàng hoá, hàng hoá phiên bản mới, sản phẩm hạ nguồn, thay đổi giá các dạng khác nhau của sản phẩm (chỉ áp với CLT CBPG), sản phẩm vòng đời ngắn (CLT CBPG).

- Thủ tục điều tra: thời hạn (300 ngày); rà soát tư pháp, hệ thống thu thuế (đảm bảo), rà soát hành chính, thủ tục chi tiết khác nhau trong 1 số hành vi (ví dụ thủ tục rút gọn với điều tra sản phẩm có vòng đời ngắn).

2.2.2 EU

- Quy định riêng cho CLT CBPG (luật CBPG 1036/2016), CLT CTC (luật CTC 1037/2016), tuy nhiên nội dung phần lớn giống nhau.

- Hình thức lẫn tránh: lắp ráp tại EU, tại nước ngoài (chỉ áp với CLT CBPG); thay đổi nhỏ sản phẩm, chuyển tải, xuất khẩu thông qua công ty có mức thuế thấp hơn.

Theo đó, đối với hình thức lẫn tránh qua lắp ráp tại EU, nước ngoài, có những quy định cụ thể như sau:

+ Trị giá bộ phận lắp ráp $\geq 60\%$ tổng các bộ phận

+ Trị giá gia tăng của linh kiện thêm vào $\leq 25\%$ chi phí sản xuất

+ Việc lắp ráp bắt đầu, gia tăng đáng kể từ khi điều tra

+ Giảm hiệu quả biện pháp

+ Bằng chứng về phá giá

Đối với các hành vi lẫn tránh khác, EU sẽ xem xét các yếu tố:

+ Thay đổi xu hướng thương mại (do lệnh áp thuế)

³ Điều 13 Nghị định 10.

⁴ Carlise là Phó Tổng Giám đốc Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT)

⁵ Dunkel là Tổng Giám đốc Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT)



+ Thiết hại/giảm hiệu quả biện pháp PVTM

+ Có phá giá/lợi ích từ trợ cấp

- Trình tự: thời gian điều tra (9 tháng), quy định về đăng ký hải quan khi khởi xướng, hồi tố, loại trừ, rà soát (trong kỳ, nhà xuất khẩu mới, không quy định về rà soát cuối kỳ)

- Quy định về absorption (hấp thu tác động của thuế): hiện tượng khi có thuế CBPG/CTC nhưng giá xuất khẩu giảm hoặc giá bán lại tại EU không tăng tương ứng với mức thuế dẫn tới việc lệnh áp thuế không có hiệu quả. Do đó, EU có thể tiến hành điều tra anti-absorption, khi đó mức thuế có thể tăng gấp 2 lần mức thuế ban đầu, thời hạn điều tra trong 9 tháng.

2.2.3 Thổ Nhĩ Kỳ

- Đặc điểm quy định của Thổ Nhĩ Kỳ tương đối giống EU, chỉ khác ở chỗ không có quy định cụ thể về ngưỡng các phép thử (60%, 25%), không quy định riêng về hành vi lẫn tránh CBPG/CTC mà được hiểu là có thể áp dụng cho cả 3 biện pháp CBPG/CTC/TV

- Quy trình: có quy định về việc giám sát, hồi tố; không quy định thời hạn điều tra, rà soát.

2.2.4. Brazil

- Hành vi: qua nước thứ 3, thay đổi nhỏ sản phẩm (có quy định về phép từ 60%, 25% giống EU), lắp ráp tại Brazil

- Quy trình: thời gian điều tra 6 tháng cộng gia hạn 3 tháng; không hồi tố; không có biện pháp sơ bộ; có quy định về cam kết giá.

2.2.5. Úc

- Hành vi: chuyển tải, lắp ráp tại Úc, tại nước thứ 3, thay đổi nhỏ sản phẩm (quy định chi tiết tiêu chí), qua nhà xuất khẩu có mức thuế thấp hơn; lẫn tránh tác động của thuế (giống với quy định absorption của EU) (trong khoảng thời gian hợp lý, thời hạn điều tra: 100 ngày)

- Quy trình: thời hạn điều tra 155 ngày cộng gia hạn; không tham vấn công khai; có rà soát tư pháp (bị rà soát bởi Ban Rà soát CBPG); có biện pháp đảm bảo (để hồi tố)

2.2.6. Canada

- Quy định: Đạo luật về các biện pháp nhập khẩu đặc biệt (SIMA)

- Điều kiện điều tra: thay đổi mô hình thương mại (nguyên nhân chính là do biện pháp PVTM), giảm hiệu quả biện pháp

- Hành vi: lắp ráp tại Canada, tại nước thứ 3

- Quy trình: thời gian điều tra: 180-240 ngày; doanh nghiệp không lẫn tránh không bị áp thuế; ngày áp thuế: kể từ ngày khởi xướng; rà soát: tư pháp, trong kỳ, nhà xuất khẩu mới.

Việt Nam bị điều tra CLT biện pháp PVTM với hàng xuất khẩu (kháng kiện)

Cho đến nay, kể từ 1998-2019, Việt Nam đã bị 4 nước (Hoa Kỳ, EU, Thổ Nhĩ Kỳ, Brazil) điều tra 20 vụ CLT biện pháp CBPG/CTC với 17 loại sản phẩm, cụ thể như sau

- EU (6 vụ): 2017 (xe nâng bằng tay); 2012 (bật lửa ga), 2004: đèn huỳnh quang, vòng khuyên kim loại (ring binders); 2003: oxide kẽm, 1998: mỹ chính.

- Hoa Kỳ (6 vụ): 2018: thép cán nguội CR (cáo buộc lẫn tránh từ Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc), thép chống ăn mòn CORE (Đài Loan, Hàn Quốc); nhôm định hình; 2016: thép CR, thép CORE

(Trung Quốc); 2010: mắc áo bằng thép

- Thổ Nhĩ Kỳ (6 vụ): 2017 (sợi POY- lẫn tránh sản phẩm); 2015: gỗ dán; 2014: ống thép hàn không gỉ cuộn cán nguội, đá granite; 2009: điều hoà; 2007: bột lửa ga

- Brazil (2 vụ): 2016 (sợi nylon), 2011 (giày da)

- Tình hình các vụ việc:

+ Đang điều tra: 2 vụ (thép CR, thép CORE 2018 Hoa Kỳ)

+ Đang áp thuế: 11 vụ (bột lửa ga, điều hoà, đá granite, ống thép, gỗ dán, sợi POY- Thổ Nhĩ Kỳ; sợi nylon- Brazil; thép CR, thép CORE 2016, mắc áo, nhôm định hình - Hoa Kỳ)

+ Không áp thuế 1 vụ (xe nâng bằng tay- EU)

+ Đã hết hạn: 6 vụ (bột lửa ga, đèn huỳnh quang, vòng khuyên kim loại, oxyde kẽm, mỹ chính- EU; giày da- Brazil)

- Một số nhận xét:

+ Một vụ CLT có thể dẫn đến 1 vụ CBPG/CTC (ví dụ vụ mắc áo bằng thép Hoa Kỳ sau khi điều tra CLT đã điều tra CBPG/CTC với hàng xuất khẩu của Việt Nam).

+ Đa số các vụ việc liên quan đến lẫn tránh thuế CBPG/CTC áp với Trung Quốc, lắp ráp tại Việt Nam.

+ Các vụ việc do EU điều tra đều đã hết hạn, không áp thuế

+ Mức thuế áp là mức thuế CBPG/CTC đang có hiệu lực

+ Mức thuế cho doanh nghiệp hợp tác: Thổ Nhĩ Kỳ (mức thuế riêng hoặc không áp thuế); Hoa Kỳ (áp mức thuế chung dù doanh nghiệp hợp tác hay không).

+ Hoa Kỳ thay đổi thông lệ về “chuyển đổi đáng kể sản phẩm” (2 vụ thép của Hoa Kỳ: cho rằng nguyên liệu thép cán nóng, cán nguội nhập khẩu từ các nước đang bị áp thuế CBPG/CTC để sản xuất thép cán nguội, thép CORE tại Việt Nam không phải là chuyển đổi đáng kể nên đã bị coi là lẫn tránh biện pháp PVTM.

4. Đề án theo Quyết định 824

Ngày 04/7/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 824/QĐ-TTg về Tăng cường quản lý Nhà nước về chống lẫn tránh biện pháp PVTM và gian lận xuất xứ. Một số nội dung chính như sau:

- Mục tiêu:

+ Nâng cao hiệu quả của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các cam kết.

+ Ngăn chặn hành vi lẫn tránh biện pháp PVTM, gian lận xuất xứ nhằm phát triển bền vững xuất nhập khẩu.

+ Bảo vệ quyền, lợi ích của Việt Nam, của doanh nghiệp làm ăn chân chính.

- Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

+ Tăng cường quản lý với xuất nhập khẩu, đầu tư nước ngoài: (theo dõi số liệu xuất nhập khẩu với đối tác thương mại lớn; cảnh báo sớm nguy cơ bị điều tra CLT; chống gian lận xuất xứ- quản lý cấp, kiểm tra C/O, đàm phán FTA, tạo cơ sở pháp lý cho việc cấp C/O; đầu tư nước ngoài; đa dạng hoá thị trường xuất khẩu

+ Nâng cao nhận thức, hiệu quả thực thi: phối hợp giữa các cơ quan; tuyên truyền, phổ biến; hợp tác quốc tế; tăng cường năng lực.

+ Xây dựng khung pháp lý

+ Chế tài

- Tổ chức thực hiện:





Các đơn vị liên quan như: Bộ Công Thương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; Bộ Công an; Bộ Tài chính; Hiệp hội ngành hàng.

Trong đó, nhiệm vụ của Bộ Công Thương chủ yếu như sau:

- + Lập danh sách các mặt hàng bị điều tra PVTM có nguy cơ lẫn tránh; thông báo danh sách này cho các Bộ ngành liên quan

- + Tuyên truyền, phổ biến thông tin

- + Kiểm tra, xác minh, chuyển hồ sơ cho Cơ quan Công an nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự

- + Hợp tác quốc tế

- + Cơ quan đại diện thương mại tại nước ngoài

- + Hoàn thiện quy định về quy tắc xuất xứ

- + Quản lý hoạt động uỷ thác, tạm nhập tái xuất, chuyển tải

- + Tăng cường năng lực cán bộ

- + Mở rộng thị trường

- + Xây dựng cơ sở dữ liệu

- Thực thi trên thực tế: Bộ Công Thương hiện đã xây dựng danh sách các mặt hàng cảnh báo và định kỳ đăng công khai trên trang web của Cục PVTM, của Bộ; phối hợp cơ quan Hải quan cập nhật số liệu nhập khẩu các biện pháp PVTM đang áp dụng, số liệu xuất khẩu, hợp tác với cơ quan Hải quan Hoa Kỳ, EU trong việc cảnh báo các mặt hàng có nguy cơ lẫn tránh.

Kết luận: Nhiệm vụ chống lẫn tránh biện pháp PVTM, gian lận xuất xứ là nhiệm vụ chung của các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp nên cần sự phối hợp chặt chẽ, chung tay chung sức. Các đơn vị liên quan cũng cần chủ động theo dõi, kịp thời ứng phó với các diễn biến khó lường trong thương mại quốc tế, đặc biệt là trong bối cảnh hiện nay khi thương mại quốc tế ngày càng có nhiều biến động. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cũng rất cần thiết, quan trọng để doanh nghiệp nhận thức rõ vấn đề và “chuyển hoá” thành hành động thiết thực nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước các hành vi lẫn tránh của hàng nhập

khẩu cũng như nguy cơ bị điều tra CLT với hàng xuất khẩu. Với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia ký kết các hiệp định thương mại tự do, dỡ bỏ hàng rào thuế quan thì cơ hội xuất khẩu của Việt Nam ngày càng nhiều nhưng việc tăng trưởng xuất khẩu cần phải bền vững, xuất phát từ gia tăng năng lực sản xuất với trị giá gia tăng đủ lớn chứ không phải là hành vi hàng hoá từ nước thứ ba lợi dụng xuất xứ Việt Nam để lẫn tránh biện pháp PVTM. Các doanh nghiệp cũng cần nhận thức được rằng hành vi lẫn tránh biện pháp PVTM sẽ làm ảnh hưởng đến lợi ích lâu dài của chính mình và cần “nói không” với những hành vi này để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, lâu dài của doanh nghiệp, của ngành.



**Quy định, quy trình điều tra chống lẫn tránh
thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp của
Liên minh châu Âu (EU)**

1. Quy định về điều tra Chống lấn tránh thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp của EU

1.1. Một số thông tin chung

Quy định về chống lấn tránh thuế đầu tiên của EU được ban hành năm 1987 để chống lại việc Nhật Bản thành lập các nhà máy lắp ráp (screwdriver) tại EU. Năm 1990, một ban hội thẩm GATT đã kết luận rằng các quy định này là không phù hợp với GATT và EU đã ngừng sử dụng quy định này.

Sau đó, EU đã sửa đổi quy định của mình, hiện nay, EU có quy định riêng về chống lấn tránh thuế chống bán phá giá (CBPG)/chống trợ cấp (CTC) tại 2 văn bản pháp luật khác nhau, bao gồm: Điều 13 của Luật chống bán phá giá của EU (Quy định 2016/1036) của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Châu Âu ngày 8 tháng 6 năm 2016 về “Bảo vệ trước hàng hóa bán phá giá từ các nước không phải thành viên của Liên minh Châu Âu” và Điều 23 của Luật Chống trợ cấp của EU (Quy định 2016/1037) của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Châu Âu ngày 8 tháng 6 năm 2016 về “Bảo vệ trước hàng hóa trợ cấp từ các nước không phải thành viên của Liên minh Châu Âu” là cơ sở các quy định nội luật của EU về chống lấn tránh thuế CBPG, CTC.

Về cơ bản, các quy định về chống lấn tránh thuế trong hai văn bản nói trên là giống nhau (định nghĩa lấn tránh thuế, các điều kiện quan trọng chứng minh tồn tại hành vi lấn tránh thuế, quy trình thủ tục liên quan đến việc khởi xướng và tiến hành điều tra, thời hạn điều tra, điều kiện loại trừ áp thuế cho những công ty không lấn tránh, thủ tục áp thuế...), chỉ có hai điểm khác là:

(i) hành vi lấn tránh thuế CTC (Điều 23 của Luật chống trợ cấp EU) không bao gồm hoạt động *lắp ráp* như trong hành vi lấn tránh thuế CBPG quy định tại Điều 13 (2) của Luật chống bán phá giá; và

(ii) điều kiện để kết luận lấn tránh thuế CBPG là phải xác định được bằng chứng của việc bán phá giá liên quan đến trị giá thông thường được xác định đối với sản phẩm tương tự bị điều tra trước đó, trong khi để xác định hành vi lấn tránh thuế CTC,

cần chứng minh rằng sản phẩm lấn tránh thuế được hưởng lợi ích từ các loại trợ cấp có thể đối kháng.

- Quy định về chống lấn tránh thuế CBPG: EU đưa ra hai định nghĩa về lấn tránh thuế. Một định nghĩa về hình thức lấn tránh thuế truyền thống (tức là lấn tránh bằng hoạt động lắp ráp), và một định nghĩa chung về các hình thức lấn tránh thuế khác. Mỗi định nghĩa đưa ra nhiều điều kiện cần xác định để có thể áp dụng biện pháp chống lấn tránh thuế. Khái quát như sau:

(1) Thuế CBPG có thể được mở rộng đối với: (i) sản phẩm tương tự (dù có thay đổi nhỏ hay không) nhập khẩu từ nước thứ 3 hoặc (ii) sản phẩm tương tự thay đổi nhỏ hoặc linh kiện nhập khẩu từ nước bị áp thuế CBPG hoặc (iii) với hàng nhập khẩu của công ty được hưởng thuế suất riêng rẽ của nước bị áp thuế (không vượt quá mức thuế cao nhất), khi xảy ra hành vi lấn tránh thuế, nghĩa là:

(a) có sự thay đổi về *xu hướng thương mại* giữa nước thứ 3 với EU hoặc giữa các công ty riêng rẽ ở nước bị áp thuế với EU xuất phát từ một hoạt động, quá trình hay công việc không liên quan đến các yếu tố kinh tế mà là do áp dụng thuế; trong đó hoạt động, quá trình hay công việc bao gồm: sự *thay đổi nhỏ* của sản phẩm liên quan để khiến sản phẩm thuộc mã hải quan không bị áp thuế (với điều kiện việc thay đổi này không làm thay đổi các đặc điểm cơ bản), việc *chuyển tải* sản phẩm bị áp thuế qua nước thứ 3, việc nhà sản xuất/xuất khẩu *thay đổi mô hình và kênh bán hàng* ở nước bị áp thuế để xuất khẩu sản phẩm của mình sang EU thông qua các nhà sản xuất được hưởng mức thuế riêng rẽ thấp hơn, việc *lắp ráp linh kiện* tại EU hoặc tại nước thứ 3.

(b) tồn tại bằng chứng về thiệt hại hoặc việc tác động của biện pháp đang bị suy giảm liên quan đến giá/lượng của sản phẩm tương tự và;

(c) có bằng chứng về phá giá liên quan đến trị giá thông thường đã xây dựng từ trước đối với sản phẩm tương tự.

(2) Hoạt động lắp ráp trong EU hoặc từ nước thứ 3 có thể bị xem xét là lấn tránh thuế (chỉ đối với điều tra lấn

tránh thuế chống bán phá giá) trong trường hợp:

a. Hoạt động lắp ráp được bắt đầu hoặc gia tăng đáng kể từ khi, hoặc ngay trước khi khởi xướng điều tra phá giá và các bộ phận liên quan là nhập khẩu từ nước đang bị áp dụng biện pháp; và

b. Các bộ phận/linh kiện cấu thành 60% hoặc hơn tổng trị giá bộ phận của sản phẩm lắp ráp, ngoại trừ trường hợp trị giá gia tăng của các bộ phận trong quá trình lắp ráp hoặc hoàn thiện cao hơn 25% chi phí sản xuất và

c. Tác động của biện pháp đang bị suy giảm liên quan đến giá/lượng của sản phẩm tương tự được lắp ráp và có bằng chứng về phá giá liên quan đến giá trị thông thường đã xây dựng từ trước đối với sản phẩm tương tự.

- Quy định về điều tra vụ việc chống lấn tránh thuế chống trợ cấp:

Thuế chống trợ cấp có thể được mở rộng đối với: (i) sản phẩm tương tự nhập khẩu từ nước thứ 3, dù sản phẩm đó được sửa đổi nhỏ hay không; hoặc (ii) sản phẩm được sửa đổi nhỏ/linh kiện nhập khẩu từ nước đang bị áp dụng biện pháp hoặc (iii) với hàng nhập khẩu của công ty được hưởng thuế suất riêng rẽ của nước bị áp thuế (không vượt quá mức thuế cao nhất), khi xảy ra hành vi lấn tránh thuế CTC, nghĩa là:

(a) có sự thay đổi về *xu hướng thương mại* giữa nước thứ 3 với EU hoặc giữa các công ty riêng rẽ ở nước bị áp thuế với EU xuất phát từ một hoạt động, quá trình hay công việc không liên quan đến các yếu tố kinh tế mà là do áp dụng thuế xuất phát từ một hoạt động, quá trình hay công việc không liên quan đến các yếu tố kinh tế mà là do áp dụng thuế; trong đó hoạt động, quá trình hay công việc bao gồm: sự thay đổi nhỏ của sản phẩm liên quan để khiến sản phẩm thuộc mã hải quan không bị áp thuế (với điều kiện việc thay đổi này không làm thay đổi các đặc điểm cơ bản), việc chuyển tải sản phẩm bị áp thuế qua nước thứ 3, việc nhà sản xuất/xuất khẩu thay đổi mô hình và kênh bán hàng ở nước bị áp thuế để xuất khẩu sản phẩm của mình sang EU thông

qua các nhà sản xuất được hưởng mức thuế riêng rẽ thấp hơn;

và

(b) tồn tại bằng chứng về thiệt hại hoặc việc tác động của biện pháp đang bị suy giảm liên quan đến giá/lượng của sản phẩm tương tự và;

(c) sản phẩm tương tự hoặc linh kiện nhập khẩu này vẫn đang được hưởng lợi từ hành vi trợ cấp của chính phủ.

Do quy định về chống lẫn tránh thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp về cơ bản là giống nhau nên nội dung phân tích dưới đây sẽ tập trung vào quy định về chống bán phá giá. Quy định về chống trợ cấp sẽ được hiểu là tương tự.

1.2. Hoạt động lẫn tránh thuế truyền thống (lắp ráp tại EU hoặc nước thứ 3) (Điều 13(2) Quy định 1036) (chỉ áp dụng với lẫn tránh thuế CBPG)

Trong quy định về lẫn tránh thuế trước đây của EU, chỉ có các hoạt động lắp ráp được tiến hành trong lãnh thổ EU mới bị điều tra. Tuy nhiên quy định mới của EU đã mở rộng hơn, cho phép điều tra các hoạt động lắp ráp tại nước thứ 3 do EU cho rằng nếu không có quy định này, các nhà sản xuất sẽ có xu hướng mở nhà máy ở các nước thứ 3 thay vì tại EU khiến EU không thu hút được đầu tư, công ăn việc làm (quy định này chỉ áp với điều tra chống lẫn tránh thuế CBPG không có quy định tương ứng tại điều tra chống lẫn tránh thuế CTC).

Một thay đổi khác trong luật chống lẫn tránh thuế mới của EU, đó là không cần phải xác định mối liên hệ giữa nhà lắp ráp và nhà sản xuất các sản phẩm bị áp thuế CBPG. Tuy nhiên, trên thực tế, đa số các vụ việc có thể vẫn có liên quan tới chi nhánh của các công ty bị áp dụng biện pháp CBPG ban đầu.¹

¹ Ví dụ, trong vụ việc *Xe đạp Trung Quốc*, (Council Regulation (EC) No 71/97), các linh kiện được nhập khẩu vào EU từ Trung Quốc để lắp ráp thành xe đạp (Trung Quốc lúc đó bị áp thuế CBPG với xe đạp). Nhà lắp ráp EU nhập khẩu xe đạp gần như nguyên chiếc, để tránh việc phải khai hàng hoá nhập khẩu là thành phẩm (xe đạp), mà sẽ bị áp thuế, bên xuất khẩu đã gửi các linh kiện ở các chuyển hàng khác nhau, gửi vào ngày khác nhau và thậm chí còn gửi đến các cảng khác nhau.



Khi cả 5 điều kiện sau đây được đáp ứng, một hoạt động lắp ráp tại EU hoặc một nước thứ ba sẽ bị coi là lẫn tránh biện pháp CBPG đang còn hiệu lực:

(i) Hoạt động lắp ráp được bắt đầu hoặc gia tăng đáng kể từ khi, hoặc ngay trước khi có lệnh khởi xướng điều tra CBPG ban đầu và các bộ phận liên quan từ nước đang bị áp dụng biện pháp.

Điều kiện này được quy định tại Điều 13(2) Quy định EC 2016/1036. Trước hết, phải hiểu cụm từ “khởi xướng điều tra CBPG”. Theo thực tiễn điều tra của EU, thuật ngữ “khởi xướng” trong điều kiện này có liên quan tới ngày thông báo khởi xướng điều tra của vụ việc điều tra CBPG ban đầu và/hoặc điều tra rà soát.² Việc xác định thời gian này là cần thiết để so sánh thời điểm hoạt động lắp ráp bắt đầu với thời gian khởi xướng điều tra ban đầu hoặc khởi xướng điều tra rà soát.³

² Vụ việc Cán điện tử Nhật Bản, đoạn 11.

³ Trong vụ việc Bật lửa ga Trung Quốc (lắp ráp tại Macao), đoạn 59-60, vụ việc CBPG ban đầu được khởi xướng vào tháng 4/1990. Công ty lắp ráp được đăng ký kinh doanh vào tháng 4/1991, và bắt đầu sản xuất vào tháng 1/1992. Tuy nhiên, EC không thể tiếp tục điều tra do thị trường chính của nhà sản xuất vào lúc đó là Hoa Kỳ và bán rất ít sang EU. Thay vào đó, EC điều tra điều gì xảy ra sau khi khởi xướng rà soát vào tháng 12/1993. Sau sự kiện này, xuất khẩu sang EU đã tăng dần lên hơn 60 triệu cái vào năm 1997. Do đó, EC có thể xem xét tiêu chí tiếp theo. Qua vụ việc này, có thể hiểu cụm từ “khởi xướng vụ việc CBPG” có thể nói đến vụ điều tra ban đầu và vụ rà soát.

Tuy nhiên, Điều 13(2) không quy định cụ thể về thuật ngữ “hoạt động bắt đầu”. Điều này rõ ràng là có khả năng dẫn tới tranh cãi do có rất nhiều ngày trên thực tế có thể được coi là ‘ngày bắt đầu hoạt động’. Những ngày này có thể bao gồm: ngày mà kế hoạch đầu tư được thực hiện để xây nhà máy; ngày mà đất được mua để xây nhà máy; ngày mà nhà thầu xây dựng bắt đầu xây nhà máy; ngày mà nhà máy bắt đầu lắp ráp các linh kiện thành sản phẩm bị nghi ngờ... Trong hầu hết các trường hợp, mất nhiều thời gian để đưa ra quyết định kinh doanh, nghiên cứu kế hoạch kinh doanh và đáp ứng một số điều kiện trước khi bắt đầu sản xuất. Bên cạnh đó, diễn giải cụm từ ‘ngay trước’ như thế nào. Do đó, điều này sẽ khiến một số thuật ngữ trở nên mơ hồ và khó định nghĩa. Những vấn đề này thường được xác định theo từng vụ việc trên thực tế. Tuy nhiên, sẽ dẫn tới thẩm quyền không bị hạn chế của cơ quan điều tra (mà thường có xu hướng ‘chọn’ kết quả ‘tốt nhất’ cho ngành sản xuất trong nước). Hơn nữa, điều này cũng có tác động tiêu cực tới đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) do thẩm quyền rộng này sẽ khiến cho các doanh nghiệp nước ngoài khó định đoán hơn và khó chắc chắn hơn về các kế hoạch kinh doanh trong tương lai của họ tại nước nhập khẩu.

Sau đó, CQĐT của EU (Ủy ban Châu Âu- European Commission EC) sẽ xác định xem sự gia tăng có phải đáng kể hay không thông qua xem xét tỉ lệ % gia tăng sản phẩm lắp ráp trong

các năm sau khi khởi xướng điều tra ban đầu/điều tra rà soát và xu hướng chung của sản phẩm. EC không có quy định cụ thể thể nào được coi là “gia tăng đáng kể”, tuy nhiên có thể tham khảo thông qua thực tiễn điều tra cho thấy tỷ lệ được coi là không đáng kể so với đáng kể có thể từ 4%-30% và có thể xem xét cả xu hướng chung của sản phẩm.⁴

(ii) Các bộ phận chiếm ít nhất 60% tổng trị giá các bộ phận lắp ráp nên sản phẩm.

Điều kiện thứ hai được quy định tại Điều 13(2)(b), có nghĩa rằng nếu ít nhất 60% tổng trị giá của các bộ phận được sử dụng trong lắp ráp sản phẩm (nguyên liệu thô) được nhập khẩu từ nước bán phá giá thì bị coi là có lỗi tránh. Mẫu số là trị giá của tất cả các bộ phận (không xét đến xuất xứ) được sử dụng để làm ra sản phẩm trong

⁴ Ví dụ trong vụ việc với máy photocopy của Nhật Bản, lượng máy lắp ráp tại EU chỉ tăng 4% thì không bị coi là đáng kể. Một nhà sản xuất khác lập luận rằng sự gia tăng 30% không phải là đáng kể vì phù hợp với xu hướng của những năm trước nhưng EC bác bỏ lập luận này vì cho rằng tỷ lệ gia tăng 30% của 1 số lớn thì lớn hơn (về mặt giá trị tuyệt đối) so với số nhỏ. Trong vụ việc với Ố bi (1989), lượng hàng lắp ráp tại 2 nhà máy tăng hơn 24% trong năm đầu tiên sau khi khởi xướng vụ việc và trong 2 năm đầu tiên tăng hơn 40% so với giai đoạn 4 năm trước thì tỷ lệ tăng chỉ là 0% và 2,3% tương ứng, vì vậy tỷ lệ này được coi là đáng kể.

thời kỳ điều tra (loại trừ lợi nhuận và chi phí chung), tử số là trị giá của tất cả các bộ phận nhập khẩu từ nước X (nước bị áp thuế chống bán phá giá). Điều kiện này không có nghĩa rằng 60% trị giá của sản phẩm đã hoàn thiện. Hơn nữa, không cần phải xem xét 40% còn lại đến từ đâu.

Thông thường EC sẽ yêu cầu một danh sách tất cả các bộ phận và giá mua vào và thông tin về xuất xứ của từng bộ phận.

Xuất xứ của các bộ phận: bao gồm các bộ phận xuất xứ từ nước bị áp thuế CBPG và các bộ phận chỉ được xuất khẩu, mua (sourced), ký gửi (consign) từ hoặc trung chuyển qua nước bị áp thuế chống bán phá giá. Các bộ phận được ký gửi từ nước bị áp thuế CBPG sẽ được coi là xuất xứ từ nước đó trừ khi bên gia công, lắp ráp cung cấp bằng chứng (như giấy chứng nhận xuất xứ, tuyên bố của bên sản xuất và các tài liệu vận tải tương ứng, tài liệu thanh khoản hải quan...) cho thấy là những bộ phận này thực tế xuất xứ từ một nước không thuộc đối tượng áp biện pháp CBPG.

Trị giá của các bộ phận: Tất cả các yếu tố (dù là vật chất hay phi vật chất, ví dụ như phần mềm) mà được chuyển hoá vào sản phẩm thì được

coi là bộ phận của sản phẩm. Trị giá được xác định trên cơ sở “vào nhà máy, đã trả thuế”, nghĩa là gồm cả tiền vận chuyển, thuế hải quan, vận chuyển nội địa và các chi phí khác liên quan đến vận chuyển các bộ phận tới bên lắp ráp, gia công (loại trừ chi phí nguyên liệu đóng gói).

Các tranh luận xoay quanh một số vấn đề như sau:

- liệu các bộ phận phải xuất xứ từ nước bán phá giá để đáp ứng điều kiện 60% hay là chỉ cần chúng được ký gửi từ nước đó. Trên thực tế, EC xem xét xuất xứ của sản phẩm, các bộ phận chỉ đơn thuần được chuyển từ nước bán phá giá sẽ không thuộc phạm vi cuộc kiểm tra 60% và bằng chứng về xuất xứ theo quy định này dựa hoàn toàn vào nhà nhập khẩu.

- xuất xứ của một bộ phận cần được xác định ở mức độ như thế nào. Một sản phẩm có thể chỉ là: (i) một bộ phận đơn lẻ hoặc (ii) một bộ các linh kiện/bộ phận riêng rẽ. Trong trường hợp (ii), mỗi bộ phận phải được chứng minh xuất xứ riêng rẽ.

- không rõ là tại sao lại lựa chọn con số 60% mà không phải con số khác. Do không có bằng chứng giải thích con số này, không có sự khác nhau lắm giữa việc một công ty mà có tỷ lệ là 59,9% và một công ty có tỷ



lệ là 60,1%. Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra là liệu 2 công ty này sẽ bị đối xử khác nhau không, theo quy định hiện hành của EU, do 1 công ty sẽ không bị áp biện pháp chống lẩn tránh trong khi công ty kia thì bị.

- phép thử 60% yêu cầu xác định bộ phận nào là từ nước đang bị lệnh áp thuế. Do đó, việc xác định xuất xứ của các bộ phận là vấn đề quan trọng trong cuộc điều tra này. Tuy nhiên, điều này làm phức tạp tình hình đặc biệt là khi việc cấu thành các linh kiện riêng lẻ là phức tạp. Cách tiếp cận hiện nay, gọi là ‘phép thử phá hủy- destruction’⁵- một bộ phận mà không thể lấy ra mà không phá hỏng bất kỳ các bộ phận nào khác thì được coi là ‘một bộ phận đơn nhất- single part’ và có 1 xuất xứ dù nó có nhiều bộ phận con có nhiều xuất xứ khác nhau; còn trong trường hợp có thể tách riêng thì sẽ được xem xét trong từng trường hợp cụ thể và đôi lúc xuất xứ của bộ phận này có thể dựa trên xuất xứ của các bộ phận con. Mặc dù thực tế là cách tiếp cận ‘phá hủy’ trên phân biệt được một bộ phận đơn nhất và một bộ phận có nhiều bộ phận con, không rõ là liệu có áp dụng phép thử 60% cho phép thử này không và nếu có thì như thế nào. Ngoài ra, (i) liệu một bộ phận hoàn chỉnh mà có trên 60% các bộ phận nhỏ là từ nước đang bị áp thuế thì có thể coi là có xuất xứ từ nước đó hay không; (ii) liệu tỷ lệ % của từng bộ phận con có được cộng gộp hoặc bình quân gia quyền khi áp dụng phép thử 60%. Ví dụ, 30% của một bộ phận con là từ nước bị áp thuế và 40% của 1 bộ phận con khác cũng từ nước bị áp thuế. Phép thử 60% sẽ đáp ứng nếu được cộng gộp, mà kết quả nếu tính bình quân gia quyền thì lại không đáp ứng phép thử 60%. Một câu hỏi tương tự mà phép thử 60% cũng đặt ra là trong trường hợp các bộ phận liên quan đến xuất xứ nhiều



nước. Giả dụ các linh kiện bị nghi ngờ lẩn tránh có xuất xứ từ hơn 2 nước và tất cả các nước này đều bị áp thuế, và cũng giả sử các linh kiện từ mỗi một nước nêu trên <60%. Do đó, câu hỏi sẽ là liệu phép thử 60% sẽ chỉ áp cho các linh kiện ‘từ 1 nước’ hay các linh kiện từ một vài nước sẽ được cộng gộp. Cũng có vấn đề nếu phép thử này chỉ áp cho các bộ phận có xuất xứ từ 1 nước do nhà xuất khẩu/sản xuất nước ngoài có thể dễ dàng thoát khỏi phép thử bằng cách đơn giản là sử dụng các bộ phận kết hợp liên quan đến xuất xứ nhiều nước nhưng hạn chế dùng các linh kiện từ từng nước mà <60%. Điều này rõ ràng là sẽ làm cho quy định này không có hiệu quả.

- cuộc kiểm tra 60% phải được tính toán trong thời kỳ nào. Về nguyên tắc, *thời kỳ điều tra* sẽ là thời kỳ để kiểm tra tỉ lệ 60%.⁶ Tuy nhiên, trên thực tế có thể có một số ngoại lệ khi cơ quan điều tra thấy cần thiết và có thể sẽ ủng hộ bên bị kiện.⁷

(iii) Trị giá gia tăng của các bộ phận thêm vào, trong quá trình lắp ráp hoặc hoàn thiện, nhiều nhất là 25% của chi phí sản xuất

Tiêu chí thứ ba này được quy định tại Điều 13(2) (b) được xem như một ngoại lệ của phép thử 60% nói trên. Mục tiêu của phép thử 25% này là để chứng minh có sự thay đổi đáng kể (substantial transformation) của sản phẩm. Kể cả khi 60% linh kiện của sản phẩm lắp ráp là từ nước X (nước bị áp thuế), có thể không xảy ra hành vi lẩn tránh thuế nếu hoạt động gia công ở EU/ở nước thứ 3 làm tăng 25% trị giá của sản phẩm liên quan.⁸

Nói cách khác, để kết luận không có hành vi lẩn tránh thuế, trị giá gia tăng của các bộ phận lắp ráp trong quá trình lắp ráp hoặc hoàn thiện phải lớn hơn 25% chi phí sản xuất của sản phẩm thành phẩm. Không có quy định về diễn giải cụ thể liên quan đến thuật ngữ ‘chi phí sản xuất’. Mặc dù thuật ngữ chi phí sản xuất rất quan trọng để chứng minh có lẩn tránh hay không nhưng việc không có hướng dẫn cụ thể về thuật ngữ này cho phép cơ quan điều tra có thẩm quyền rộng trong diễn giải và do đó là trong kết quả cuối cùng của vụ điều tra. Do EC không công bố cách thức tính toán trong phần kiểm tra này do đó không có câu trả lời cho câu hỏi liệu trị giá của các bộ phận được sản xuất trong chính nhà máy lắp ráp (xuất xứ EU hoặc nước thứ 3) sẽ được tính vào tỉ

5 Vụ việc Căn điện tử (Nhật Bản), đoạn 13. Trong vụ việc này, CQĐT xác định là bảng mạch in được coi là tập hợp của các bộ phận do đó xuất xứ và trị giá của từng bộ phận trong đó được xác định riêng rẽ và xác định theo dữ liệu trước khi được lắp vào bảng mạch, còn cảm biến cân thì được coi là 1 bộ phận do nếu tách riêng thì sẽ làm hỏng các bộ phận cấu thành do đó xuất xứ của bộ phận này là xuất xứ của nước lắp ráp với trị giá được tính bằng chi phí các linh kiện nhập khẩu+ chi phí nhân công trực tiếp và chi phí nhà máy.

6 Vụ Căn điện tử (Nhật Bản), đoạn 14.

7 Ví dụ, trong vụ Xe đạp Trung Quốc, một doanh nghiệp lắp ráp trong giai đoạn đầu của thời kỳ điều tra có gia tăng trên mức 60% nhưng chứng minh được rằng vào cuối thời kỳ này đã giảm do đó EC đã coi doanh nghiệp đó không phải là lẩn tránh. Vụ Căn điện tử Nhật Bản cũng tương tự khi EC cho rằng có khả năng việc giảm tỷ lệ sẽ được duy trì do việc sản xuất một bộ phận quan trọng của sản phẩm đã được chuyển từ nước phá giá (Nhật Bản) sang nước lắp ráp (Indonesia).

8 Ví dụ, trong vụ Căn điện tử (Nhật Bản, Singapore) (Commission Regulation (EC) No 984/97 of 30 May 1997), CQĐT thấy rằng các linh kiện được lắp ráp ở EU và trị giá của các linh kiện này >60% của tổng trị giá của căn được lắp ráp. Tuy nhiên, vụ việc đã được hủy bỏ do trị giá của các linh kiện được nhập, trong quá trình lắp ráp, >25% của chi phí sản xuất.

lệ 25% hay không (thông thường được hiểu là có tính). Có hai cách hiểu:

- Trị giá gia tăng được tính toán là chi phí sản xuất (không phải là chi phí nguyên liệu), bao gồm chi phí nhân công trực tiếp, chi phí khấu hao và các chi phí sản xuất chung khác phát sinh trong nhà máy lắp ráp liên quan đến những linh kiện, bộ phận này (loại trừ chi phí đóng gói) phải chiếm ít nhất 25% tổng chi phí sản xuất sản phẩm. Các trị giá của các bộ phận có xuất xứ EU hay trị giá của các bộ phận khác đều không có liên quan khi tính toán trị giá gia tăng.

- Chi phí sản xuất được tính bằng chi phí mua các linh kiện (theo điều kiện thương mại thông thường) + chi phí lao động + chi phí chung của nhà máy (loại trừ chi phí nguyên liệu đóng gói và chi phí hành chính, chi phí chung, chi phí bán hàng (SG&A), lợi nhuận). Trong trường hợp này: chi phí của các linh kiện xuất xứ trong nước (EU/nước thứ 3) cũng có thể được cộng vào để đạt tỷ lệ 25%.

(iv) Giảm hiệu quả khắc phục của lệnh áp thuế ban đầu liên quan tới giá/lượng của các sản phẩm tương tự lắp ráp; và (v) Có bằng chứng của việc bán phá giá liên quan đến trị giá thông thường được xác định đối với sản phẩm tương tự bị điều tra trước đó.

Ba điều kiện ban đầu đóng vai trò then chốt. Hai điều kiện (iv) và (v) này sẽ được đề cập trong phần tiếp theo do đây là các điều kiện giống nhau ở cả hai hình thức lẫn tránh thuế.

1.3. Hình thức lẫn tránh thuế khác (Điều 13(1) Quy định 1036)/ Điều 23 (3) Quy định 1037)

Quy định này là quy định được bổ sung so với quy định cũ và mang nhiều quyền lực hơn cho CQĐT chống lại gần như bất cứ hình thức lẫn tránh thuế nào (ví dụ khai sai xuất xứ, sản phẩm thay đổi nhỏ...)⁹.

- Câu 1 quy định thuế CBPG/CTC có thể được mở rộng với hàng hoá tương tự hoặc linh kiện của hàng hoá tương tự nhập khẩu khi có hành vi lẫn tránh. Vì vậy trước tiên cần hiểu thế nào là “hàng hoá tương tự”. Nội luật của EU và WTO đều có quy định

về định nghĩa “hàng hoá tương tự”¹⁰. Thực tiễn điều tra cho thấy có thể xem xét các yếu tố sau: đặc điểm vật lý, mục đích sử dụng, thị hiếu của người tiêu dùng, giá cả.¹¹

- EU không quy định rõ mức độ thay đổi xu hướng thương mại như thế nào thì được coi là đáp ứng yêu cầu tuy nhiên có thể tham khảo thực tiễn điều tra các vụ việc (sẽ được phân tích sâu hơn ở chương 2).

- Có 4 điều kiện phải đáp ứng để quyết định có hay không xảy ra hành vi lẫn tránh thuế CBPG/CTC là:

(i) Có sự thay đổi xu hướng thương mại giữa nước thứ ba và EU hoặc giữa các công ty riêng rẽ của nước bị áp thuế và EU sau lệnh áp thuế mà bắt nguồn từ một hành vi, quy trình hoặc công việc

Nước thứ ba được hiểu là bất kỳ nước nào ngoài EU, bao gồm cả nước bị áp thuế.¹²

Sự thay đổi xu hướng thương mại bao gồm sự giảm nhập khẩu từ nước đang bị áp thuế CBPG/CTC và sự tăng tương ứng về nhập khẩu sản phẩm tương tự hoặc từ nước bị áp thuế hoặc từ một nước thứ ba.

Sự gia tăng nhập khẩu phải cho thấy xu hướng thống nhất và rõ ràng của việc thay thế trong một khoảng thời gian dài. Việc thay thế nhập khẩu không cần thiết phải xảy ra trong cùng

¹⁰ Điều 1(4) quy định của EU về chống bán phá giá: “hàng hoá tương tự là hàng hoá có tất cả các đặc điểm giống với hàng hoá bị điều tra hoặc trong trường hợp không có hàng hoá nào như vậy thì là hàng hoá có các đặc tính giống với hàng hoá bị điều tra.

¹¹ Ví dụ, trong vụ Sợi PSF từ Belarus, sợi PSF nhập khẩu từ Belarus đã bị thay thế bởi sợi PFT từ Belarus, sau đó sợi PFT được chế biến thành sợi PSF tại EU. EC nhận thấy rằng sự khác biệt duy nhất giữa 2 loại sợi này là thông qua việc cắt đơn giản, do đó có thể coi là 2 sản phẩm tương tự. Bên cạnh việc xem xét đặc tính vật lý, EC còn xem xét mục đích sử dụng. Có 2 ứng dụng lớn của sợi PFT: (i) cắt thành sợi PSF; (ii) sản xuất áo phông thông qua quy trình chế biến sâu hơn. Tuy nhiên trong vụ việc này sợi PFT không được sử dụng vào mục đích (ii). Trong vụ việc Bột lửa ga (Trung Quốc), bột lửa ga bị điều tra chống lẫn tránh thuế và bột lửa ga đang bị áp thuế CBPG là giống nhau ngoại trừ bột lửa ga bị điều tra chống lẫn tránh thuế có thêm van nạp ga trong khi sản phẩm trong vụ việc CBPG không có. Tuy nhiên, người sử dụng chỉ sử dụng bột lửa này 1 lần mà không nạp lại ga và do đó bộ phận van được xác định là không có tác dụng và 2 sản phẩm được coi là tương tự.

¹² Vụ Sợi PFT Belarus, đoạn 8.

mức độ thương mại. Lượng hàng nhập khẩu phải đáng kể hoặc tăng đáng kể từ khi áp biện pháp. Việc thay đổi xu hướng thương mại có thể xảy ra sau khi áp biện pháp (tạm thời hoặc chính thức), hoặc sau khi khởi xướng điều tra.

Giai đoạn xem xét để so sánh lượng nhập khẩu: thời kỳ điều tra chống lẫn tránh thuế thường là giai đoạn 1 năm gần nhất với thời điểm khởi xướng điều tra chống lẫn tránh thuế; hoặc giai đoạn từ khi áp thuế tạm thời/thuế chính thức/khởi xướng vụ điều tra CBPG/CTC ban đầu/giai đoạn trước đó cho đến thời kỳ điều tra; và cũng thường là giai đoạn giữa thời kỳ điều tra chống lẫn tránh thuế và thời kỳ điều tra vụ việc CBPG/CTC ban đầu.

Trong trường hợp lẫn tránh qua nước thứ 3, xuất khẩu sản phẩm/linh kiện từ nước bị áp thuế (nước X) sang nước thứ 3 cũng được đánh giá cùng giai đoạn với giai đoạn đánh giá xu hướng nhập khẩu vào EU. Ngoài ra, nếu có sự hợp tác từ các nhà sản xuất của nước thứ 3 hoặc có thông tin sẵn có, cũng cần tiến hành đánh giá sản xuất sản phẩm ở nước thứ 3. Số liệu sử dụng cho việc đánh giá thường từ: số liệu thống kê nhập khẩu của EU (đối với việc phân tích xu hướng nhập khẩu của EU), số liệu thống kê xuất khẩu của nước X (đối với phân tích xu hướng xuất khẩu sang nước thứ 3 liên quan), số liệu nhập khẩu từ nước X của nước thứ 3 đối với hàng hoá/linh kiện liên quan; số liệu từ nhà xuất khẩu hợp tác của nước X và nước thứ 3 liên quan.

Theo quy định này, có một số thuật ngữ không được định nghĩa. Những thuật ngữ này rất quan trọng để xác định liệu một hành vi có phải lẫn tránh hay không. Ví dụ, ‘*sự thay đổi xu hướng thương mại giữa các nước thứ 3 và EU*’ là gì? Quy định hiện tại không có diễn giải về những thuật ngữ này, và hoàn toàn phụ thuộc vào cơ quan có thẩm quyền. Điều này gây quan ngại bởi nguy cơ tiềm ẩn là cơ quan có thẩm quyền có thể lạm dụng biện pháp chống lẫn tránh thuế để hạn chế thương mại một cách không công bằng. Sự diễn giải từng thuật ngữ do đó có thể dễ dãi hoặc chặt chẽ.

⁹ COMM(94)414, trang 164 tài liệu giải thích của EU tại Vòng Uruguay.



Thông thường sẽ áp dụng cách thức 2 bước:

- Bước 1: Đánh giá liệu lượng hàng nhập khẩu từ nước bị áp thuế (nước X) có giảm hay không

- Bước 2: Đánh giá liệu việc giảm này có đi kèm với sự gia tăng/thay thế bởi nhập khẩu của hàng hoá tương tự không (ví dụ linh kiện hoặc sản phẩm sửa đổi nhỏ từ nước X, sản phẩm xuất xứ từ nước X được vận chuyển qua 1 nước thứ 3- nghĩa là chuyển tải hoặc xuất khẩu thông thường sau khi lắp ráp giản đơn/sửa đổi nhỏ); sản phẩm liên quan được sản xuất bởi một công ty ở nước X mà có mức thuế dành cho “các nhà xuất khẩu khác”¹³ (mức thuế cao nhất) và được xuất khẩu thông qua một nhà sản xuất khác ở nước X (có mức thuế riêng rẽ thấp).

¹³ Tức là mức thuế chung dành cho các nhà sản xuất/xuất khẩu không được hưởng mức thuế suất riêng rẽ mà là mức bình quân gia quyền của các mức thuế riêng rẽ.

Việc thay đổi xu hướng thương mại cũng phải bắt nguồn từ/gắn với một hành vi, quy trình hoặc công việc, tức là liên quan đến sự *thay đổi nhỏ sản phẩm; chuyển tải* qua nước thứ 3; *xuất khẩu thông qua công ty có mức thuế thấp*; (đối với bán phá giá thì có quy định thêm về *gia công lắp ráp tại EU/nước thứ 3* như đã phân tích ở trên). Việc đánh giá là tùy thuộc vào tình hình cụ thể của từng vụ việc.

(ii) Không có lý do chính đáng (due cause) hoặc lý giải về mặt kinh tế (economic justification) đủ để giải thích cho sự thay đổi xu hướng thương mại ngoài lý do là do lệnh áp thuế.

Điều kiện này cho phép các bên liên quan có thể giải thích rằng sự thay đổi xu hướng thương mại bắt nguồn từ một lý do chính đáng hoặc có thể giải thích về mặt kinh tế. Quy định không nêu rõ nghĩa vụ phải các bên liên quan phải chứng minh. EC đã nêu ra về một số yếu tố có thể làm

thay đổi xu hướng thương mại ngoài lệnh áp thuế ban đầu ngay cả trong các trường hợp mà các bên liên quan không hợp tác cung cấp thông tin. Tuy nhiên, để có kết quả thuận lợi, chính các doanh nghiệp liên quan phải đảm bảo rằng các lập luận mà họ đưa ra sẽ được xem xét.

Cái gì cấu thành ‘*sự lý giải về mặt kinh tế hoặc lý do không chính đáng*’? Quy định này không liệt kê các yếu tố cần xem xét và đo lường các điều kiện. Vì vậy, EC sẽ đưa ra quyết định theo từng vụ việc và do đó phần điều tra này của vụ kiện sẽ chứa đựng các quan điểm, lập luận mang tính suy diễn, sáng tạo.

Một câu hỏi là liệu có những lợi ích có thể định lượng được để nhà nhập khẩu chứng minh về mặt kinh tế đối với sự thay đổi xu hướng thương mại không? Khi đó, họ phải tiến hành phân tích chi phí-lợi ích (cost-benefit) về lợi ích kinh tế/tiết kiệm chi phí từ việc sản xuất và xuất khẩu sản phẩm

thay đổi/lắp ráp ở nước khác hoặc tại EU. Điều quan trọng là thời gian thiết lập công ty ở nước thứ 3 tiến hành việc lắp ráp/bắt đầu sản xuất hoặc xuất khẩu sản phẩm sửa đổi nhỏ.

Vấn đề là liệu việc xuất khẩu sản phẩm bởi nhà sản xuất tới các thị trường khác có giữ nguyên không và sản phẩm thay đổi chỉ được xuất khẩu sang EU.

Khi không có sự hợp tác từ nhà sản xuất/xuất khẩu của nước thứ 3, thì sẽ được coi là không có biện minh lý giải về mặt kinh tế đối với sự thay đổi xu hướng thương mại và việc thay đổi xu hướng thương mại là do lệnh áp thuế.

Ngoài ra, liệu những thị trường xuất khẩu khác có tiếp tục nhập khẩu sản phẩm bị áp thuế CBPG/CTC và liệu hành vi này được thực hiện ở cả những thị trường khác giống như EU?

Những yếu tố khác cũng có thể được xem xét như: biên độ phá giá cao, sản lượng, mức độ trị giá gia tăng...

Một câu hỏi khác là liệu dự định lẩn tránh thuế có phải là nguyên nhân duy nhất khi xu hướng thương mại thay đổi. Câu hỏi này thường được

đặt ra, đặc biệt là trong trường hợp quyết định đầu tư kinh doanh bao gồm nhiều nước khác nhau. Do các mục tiêu khác nhau có thể được kết hợp lại để dẫn tới quyết định như vậy, khó mà phát hiện rằng những quyết định này được thực hiện chỉ để nhằm lẩn tránh. Tuy nhiên, Điều 13(1) của Quy định 2016/1036 và Điều 23(3) của Quy định 2016/1037 chỉ định nghĩa lẩn tránh là 'sự thay đổi xu hướng thương mại...mà bắt nguồn từ ...' có thể dẫn cơ quan điều tra tới một tình thế 'tiến thoái lưỡng nan'. Cách tiếp cận này rõ ràng là không phù hợp với thực tiễn kinh tế như đã chỉ ra ở trên và do đó ảnh hưởng đến lợi ích của các doanh nghiệp mà quyết định kinh doanh của họ dựa trên sự tổng hợp các lợi ích chứ không chỉ là lẩn tránh nếu cơ quan điều tra kết luận rằng lẩn tránh là yếu tố duy nhất dẫn đến hành vi của các nhà xuất khẩu. Ngược lại, nếu các yếu tố khác được xem xét, nhà xuất khẩu/sản xuất có thể luôn cho rằng quyết định kinh doanh của họ là các quyết định đầu tư và thương mại hợp pháp và do đó làm mất hiệu lực các quy định về chống lẩn tránh thuế. Do đó, để xử lý vấn đề này cần có cách tiếp cận phân tích

tương đối. Có nghĩa là, cơ quan điều tra cần xem xét yếu tố nào đóng vai trò quan trọng nhất trong quyết định kinh doanh này dẫn tới việc xu hướng thương mại thay đổi và liệu những yếu tố này có vai trò lớn hơn yếu tố lẩn tránh hay không. Rõ ràng là sẽ chứng minh là có hành vi lẩn tránh nếu mục đích lẩn tránh là lớn hơn. Mặc dù có thể khó để phân biệt vai trò của các yếu tố này trên thực tế do các tình huống kinh tế phức tạp, việc phân tích toán học kinh tế hiện đại có thể là một công cụ hữu ích.

(iii) Có bằng chứng về *thiệt hại*, hoặc bằng chứng rằng giảm hiệu quả của lệnh áp thuế về mặt giá và/hoặc lượng của sản phẩm tương tự.

- **Thiệt hại:** EC mô tả điều kiện này như là một cuộc kiểm tra *thiệt hại* để đảm bảo rằng các quy định được sử dụng đúng cách, đúng vụ việc.¹⁴ Tuy nhiên, không phải phân tích đầy đủ về thiệt hại.

- **Giảm hiệu quả của biện pháp:** phát hiện về hành vi lẩn tránh thuế phải được chứng minh bằng các chứng cứ về việc hiệu quả khắc phục của thuế CBPG/CTC đang bị suy giảm

14 COM (94)414, trang 164-165.



về giá và/hoặc lượng của sản phẩm tương tự. Thông thường EC tiến hành đánh giá tác động của cả giá và/hoặc lượng.

+ **Lượng:** Một thay đổi xu hướng thương mại về lượng nhập khẩu có thể chứng minh cho việc tác động khắc phục của thuế đã bị ngăn chặn về mặt lượng. Phân tích này một phần trùng với phân tích sự thay đổi về xu hướng thương mại, nghĩa là liên quan đến sự gia tăng/thay thế bởi linh kiện nhập khẩu/sản phẩm thay đổi nhỏ/nhập khẩu thông qua nước thứ 3. Tuy nhiên, có đánh giá bổ sung về lượng hàng nhập khẩu bị thay thế, nghĩa là, nếu đủ nhiều để làm giảm tác động khắc phục của biện pháp được áp dụng ban đầu (liên quan đến độ lớn và lượng tiêu thụ của thị trường EU). Có thể kết luận là hàng nhập khẩu làm giảm tác động khắc phục về lượng kể cả khi việc gia tăng hàng nhập khẩu sửa đổi/sản phẩm, linh kiện chuyển tải < sự suy giảm nhập khẩu sản phẩm liên quan bị áp thuế từ nước X (nước bị áp thuế).

+ **Giá:** Cách thức xác định sự suy giảm về mặt giá gần như giống nhau trong tất cả các vụ việc. EC tiến hành so sánh giá bán các sản phẩm bị điều tra lẫn tránh thuế tại EU với giá xuất khẩu “không phá giá” của sản phẩm trong cuộc điều tra ban đầu. Giá xuất khẩu “không phá giá” được tính toán dựa trên giá xuất khẩu thực tế tại biên giới EU như xác định trong cuộc điều tra ban đầu cộng với thuế hải quan và thuế CBPG. Sau đó xác định mức độ tác động hạ giá (undercut) của sản phẩm lẫn tránh thuế so với giá “không phá giá”.

Tuy nhiên, một vấn đề cần lưu ý là: bằng chứng nào cần đưa ra để chỉ ra rằng ‘tác động khắc phục của thuế đã bị giảm do giá và/hoặc lượng của sản phẩm tương tự’? Vấn đề này không được quy định chi tiết.

(iv) **Có bằng chứng của việc bán phá giá liên quan đến trị giá thông thường được xác định đối với sản phẩm tương tự bị điều tra trước đó (CBPG), hàng hoá tương tự và/hoặc linh kiện của nó hưởng lợi ích từ trợ cấp có thể đối kháng (CTC)**

Nhiều người hoài nghi rằng điều kiện này sẽ triệt tiêu mục tiêu điều

tra chống lẫn tránh thuế nhanh. Mục tiêu của biện pháp chống lẫn tránh thuế là đấu tranh chống lại hành vi lẫn tránh thuế CBPG/CTC đang áp dụng mà không phải đi sâu vào một vụ việc điều tra CBPG/CTC mới mất thời gian. Do đó, EC đã tránh tiến hành điều tra mới về phá giá/trợ cấp và thiệt hại.¹⁵

Thay vào đó, đối với vụ chống lẫn tránh thuế CBPG, EC tính toán một mức giá được điều chỉnh để so sánh với trị giá thông thường được thiết lập trong cuộc điều tra chống bán phá giá ban đầu. Hai mức giá được so sánh và nếu giá của sản phẩm trong cuộc điều tra lẫn tránh thuế thấp hơn trị giá thông thường, EC kết luận có bằng chứng phá giá. Nhiệm vụ quan trọng nhất trong phần điều tra này là *chứng minh có phá giá mà không phải là tính toán biên độ phá giá chính xác* (lý do là biên độ phá giá trong cuộc điều tra chống lẫn tránh thuế sẽ không được sử dụng là cơ sở để áp dụng biện pháp, thay vào đó mức thuế dựa trên biên độ phá giá từ cuộc điều tra ban đầu sẽ được mở rộng cho các sản phẩm lẫn tránh thuế). Giá xuất khẩu bình quân gia quyền sang EU trong thời kỳ điều tra chống lẫn tránh thuế của sản phẩm bị điều tra từ nước thứ 3/sản phẩm thay đổi nhỏ được so sánh với trị giá thông thường bình quân gia quyền thiết lập trong cuộc điều tra ban đầu.

EC cũng sẽ không xác định trị giá thông thường mới (tuy nhiên, trong vụ việc Dây thép và cáp bằng thép năm 2010, trị giá thông thường được xác định trong cuộc rà soát cuối kỳ đã được cập nhật để phản ánh sự thay đổi trong giá nguyên liệu thô). Tuy nhiên, với mục đích so sánh công bằng, EC sẽ điều chỉnh hợp lý (due allowance) giá xuất khẩu của hàng hoá liên quan với những sự khác biệt mà ảnh hưởng đến giá và sự so sánh được về giá (như thuế gián tiếp, chi phí bảo hiểm, vận chuyển) (trong trường hợp điều tra lẫn tránh thuế với bán thành phẩm hoặc linh kiện, bộ phận của hàng hoá liên quan).

Nếu cuộc điều tra chống lẫn tránh thuế được khởi xướng sau khi gia hạn biện pháp theo rà soát hoàng hôn (rà soát cuối kỳ trước khi hết thời

hạn áp dụng biện pháp được 5 năm), thì sẽ sử dụng trị giá thông thường thiết lập trong cuộc rà soát trước đó.

Để đánh giá bằng chứng phá giá: loại trừ hàng xuất khẩu của công ty hợp tác trong cuộc điều tra mà được kết luận là không lẫn tránh.

Đối với vụ điều tra chống trợ cấp, EC không cần phải chứng minh rằng trợ cấp được nhận tiếp tục có thể đối kháng, và cũng không cần tính lại mức trợ cấp/biên độ trợ cấp. Chỉ cần có bằng chứng thấy rằng một số chương trình trợ cấp được xác định trong cuộc điều tra ban đầu (mà có thể áp thuế) vẫn còn tồn tại là đủ.

2. Cơ quan điều tra của EU

Ủy ban châu Âu (European Commission- EC) là cơ quan hành pháp của Liên minh Châu Âu (EU), có chức năng điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ (phòng vệ thương mại). EC được tổ chức thành các Tổng Vụ (Directorate General), mỗi Tổng Vụ chịu trách nhiệm về một lĩnh vực, có chức năng soạn thảo, đề xuất, áp dụng và quản lý các chính sách, luật pháp và các chương trình tài trợ của EU, trong đó lĩnh vực PVTM thuộc Tổng Vụ Thương mại (DG Trade).

Cơ cấu tổ chức của Tổng Vụ Thương mại bao gồm 8 Vụ phụ trách chuyên môn trong đó có một Vụ chuyên trách về Phòng vệ thương mại (Directorate H- Vụ H). Vụ H được chia thành 5 phòng trực thuộc, trong đó có một phòng chuyên phụ trách điều tra các vụ việc điều tra chống lẫn tránh thuế là **Phòng H3** (Unit H3).¹⁶

3. Quy trình điều tra chống lẫn tránh thuế của EU

Bước 1. Khởi xướng điều tra và đăng ký nhập khẩu

(i) Khởi xướng điều tra

- **Dựa trên đơn yêu cầu:** Sau khi đơn yêu cầu được nộp tới CQĐT (bởi một nước thành viên hoặc nhà sản xuất EU), EC sẽ xem xét đơn yêu cầu và quyết định khởi xướng trong trường hợp kiểm tra thấy rằng có chứng cứ đủ để chứng minh hành vi lẫn tránh thuế (5 điều kiện). Trong trường hợp nhà sản xuất EU nộp đơn, không cần đáp ứng yêu cầu về tính

¹⁶ https://ec.europa.eu/info/sites/info/files/organisation_charts/organisation-chart_dg-trade_en.pdf

¹⁵ COM(94)414, trang 164.



đại diện (standing)¹⁷ như trong cuộc điều tra ban đầu và rà soát cuối kỳ. Việc khởi xướng điều tra phải được thực hiện chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu điều tra.

- **Tự khởi xướng:** EC có thể tự khởi xướng nếu thấy cần thiết.

EC có trách nhiệm phải thông báo cho các nước thành viên khi nhận được đơn yêu cầu khởi xướng/tự khởi xướng. Ủy ban tư vấn về chống bán phá giá và chống trợ cấp (Advisory Committee) bao gồm đại diện của các nước thành viên EU sẽ được tham vấn trước khi EC khởi xướng điều tra.

Thông báo khởi xướng điều tra được đăng trên Công báo của EU.

(ii) **Đăng ký nhập khẩu:** Theo Điều 13(4) và Điều 14(5) Luật chống bán phá giá và Điều 23(3), 24(5) Luật chống trợ cấp.

Vào thời điểm khởi xướng điều tra chống lẩn tránh, hàng hóa nhập khẩu bị điều tra phải được đăng kí nhập khẩu (bởi nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu nếu hành vi lẩn tránh bị cáo buộc được thực hiện tại EU) (hoặc có thể yêu cầu bảo lãnh). EC, sau khi tham vấn với Ủy ban Tư vấn, hướng dẫn cơ quan hải quan về việc đăng ký hoặc đảm bảo cho hàng nhập khẩu. 'Hệ thống đăng ký' nhằm mục đích đưa ra ngày cụ thể để áp thuế chống lẩn tránh.

Trong hầu hết các vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế, ngay cả trong các vụ việc do EC tự khởi xướng, việc đăng ký nhập khẩu được thực hiện đồng thời với thời gian khởi xướng điều tra nhằm đảm bảo việc truy thu thuế, trong trường hợp hành vi lẩn tránh thuế được xác định. Việc đăng ký có thể chỉ giới hạn ở một phần của sản phẩm bị điều tra (ví dụ trong vụ Xe đạp từ Trung Quốc, cuộc điều tra chống lẩn tránh liên quan đến một số bộ phận nhưng việc đăng ký chỉ giới hạn ở 4 bộ phận chính). Có thể yêu cầu *loại trừ* đăng ký trong vòng 37 ngày kể từ ngày khởi xướng điều tra.

Cần có bằng chứng đầy đủ để đăng ký cho hàng nhập khẩu. EC sẽ xem xét liệu việc đồng ý cho đăng ký, dựa trên yêu cầu từ ngành sản xuất trong nước, có cần thiết hay không khi xác định việc khởi xướng điều tra chống lẩn tránh. EC sau đó sẽ công bố quy định chỉ ra mục đích của việc đăng ký và khoản tiền dự tính phải nộp. Việc đăng ký thông thường không dài hơn 9 tháng.

Bước 2. Bản câu hỏi điều tra

(i) Gửi bản câu hỏi điều tra tới các bên liên quan

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày khởi xướng, EC phải gửi bản câu hỏi điều tra tới các bên liên quan. Thời hạn các bên liên quan gửi bản trả lời: trong vòng 37 ngày kể từ ngày khởi xướng điều tra.

Cơ quan điều tra (CQĐT) có thể chọn mẫu để điều tra hoặc có thể không chọn mẫu mà điều tra tất cả các

nhà sản xuất/xuất khẩu. Trong trường hợp không chọn mẫu, tất cả các nhà sản xuất đều phải tham gia trả lời bản câu hỏi điều tra nếu muốn đạt được kết quả tích cực.

Thời hạn gửi bình luận, yêu cầu tổ chức phiên điều trần: trong vòng 37 ngày kể từ ngày khởi xướng điều tra.

Các bên liên quan muốn được tham gia vào cuộc điều tra (các nhà xuất khẩu và nhập khẩu) có thể tự trình báo với EC trong vòng 15 ngày kể từ ngày khởi xướng điều tra và yêu cầu được gửi và trả lời bản câu hỏi điều tra. Các bên liên quan này cũng phải nộp bản trả lời bản câu hỏi điều tra trong vòng 37 ngày kể từ ngày khởi xướng điều tra và có thể yêu cầu tổ chức phiên điều trần trong thời gian này. EC sẽ tiến hành thẩm tra tại chỗ với các bên này. EC sẽ gửi một bản báo cáo điều tra (disclosure) cho các bên này và họ sẽ có cơ hội bình luận.

Bên nộp đơn yêu cầu điều tra không phải trả lời bản câu hỏi điều tra.

(ii) Nộp đơn xin hưởng loại trừ

Việc nộp đơn xin hưởng loại trừ được quy định tại Điều 13(4) của Luật chống bán phá giá và Điều 23(3) của Luật chống trợ cấp.

Trong vòng 37 ngày kể từ ngày khởi xướng điều tra, các bên liên quan có quyền nộp đơn xin hưởng loại trừ (kể cả đề nghị loại trừ đăng ký) cùng với các bằng chứng chứng minh sản phẩm của họ không lẩn tránh thuế ban đầu. Việc loại trừ là cho từng công ty.

Yêu cầu loại trừ có thể được thực hiện bởi:

- nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu, nhà lắp ráp hoặc trong một số trường hợp đặc biệt là các công ty thương mại (nếu hành vi lẩn tránh thuế được thực hiện trên lãnh thổ EU).

- nhà sản xuất xuất khẩu ở nước X (nước bị áp thuế) hoặc nước thứ 3 (nếu hành vi lẩn tránh thuế được thực hiện ngoài EU).

Việc loại trừ được cấp cho các nhà sản xuất nước ngoài của sản phẩm bị nghi ngờ mà không liên quan đến bất kỳ nhà sản xuất nào đang chịu lệnh áp thuế và không tiến hành hành

¹⁷ Tức là phải đáp ứng tiêu chí nhất định về tỷ lệ sản lượng sản xuất bởi bên yêu cầu (bên đứng đơn) so với tổng lượng sản xuất của cả ngành để được coi là có tính đại diện cho ngành sản xuất.

vi lẫn tránh hoặc cho nhà nhập khẩu mà không liên quan tới nhà sản xuất đang chịu lệnh áp thuế.

Một nhà xuất khẩu mới có thể xin miễn trừ sau cuộc điều tra chống lẫn tránh thuế theo “nguyên tắc rà soát nhà xuất khẩu mới”.

Trong trường hợp việc loại trừ được cấp cho một công ty trong quá trình điều tra, công ty này sẽ không phải trả thuế mở rộng trong tương lai và việc đăng ký nhập khẩu của công ty này cũng kết thúc mà không phải đóng thuế hồi tố.

Cần lưu ý rằng việc loại trừ cũng có thể bị bác bỏ nếu EC phát hiện ra rằng bên được loại trừ đang lẫn tránh thuế hoặc vi phạm các nghĩa vụ của họ. Trường hợp ngoại lệ, vụ

Coumarin từ Trung Quốc: nhà xuất khẩu Ấn Độ nhập khẩu coumarin từ Trung Quốc, làm sạch và xuất khẩu sang EU. Bên cạnh đó, nhà xuất khẩu này cũng sản xuất coumarin ở Ấn Độ và xuất khẩu sang EU. Do việc xác định nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm (Trung Quốc hay Ấn Độ) là khó khăn và do sản phẩm có thể có nấm, EC đã chấp nhận cam kết giá và công ty có thể bán sản phẩm xuất xứ Ấn Độ với mức giá trần nhất định (dựa trên lượng xuất khẩu trong thời kỳ điều tra chống lẫn tránh thuế) mà không phải nộp thuế chống lẫn tránh. Ngoài ra, công ty cũng không bị áp thuế hồi tố dù phải đăng ký.

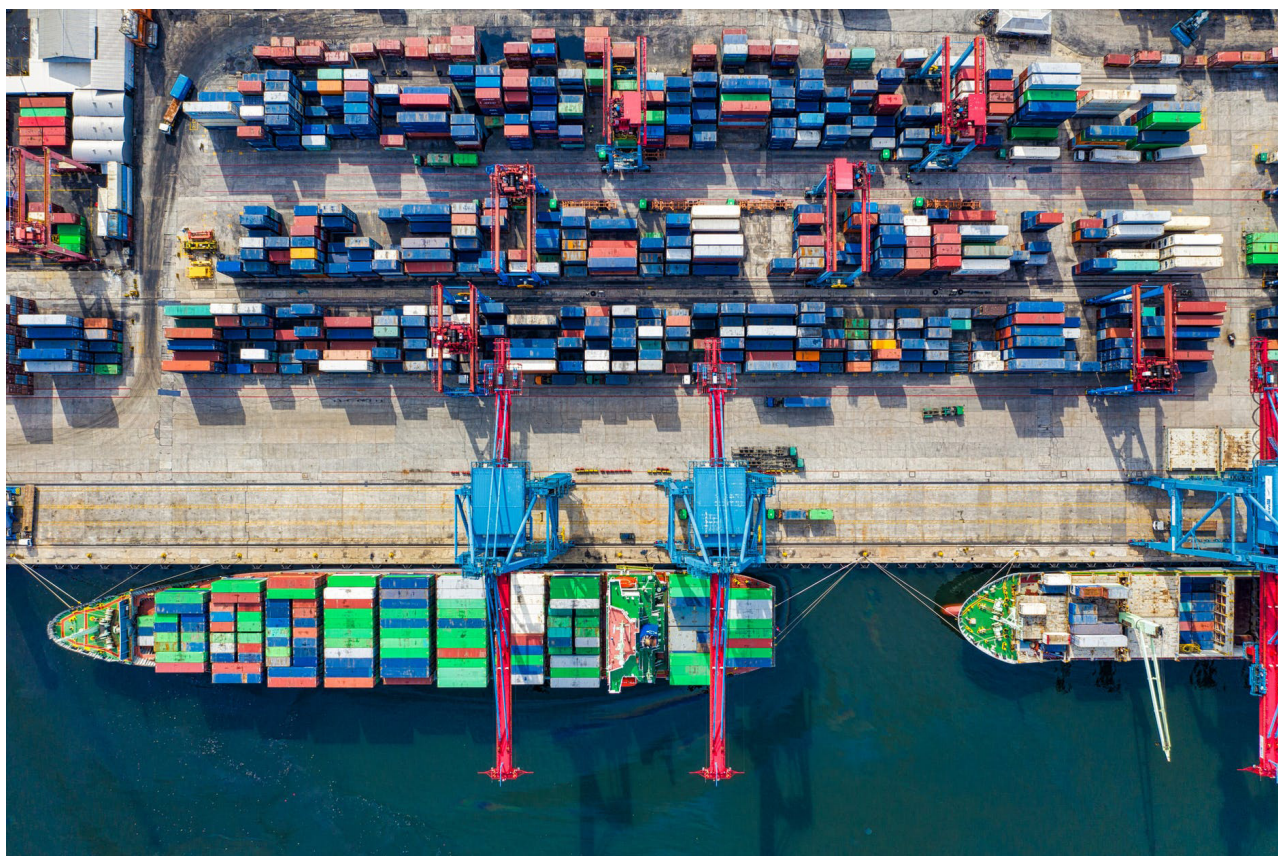
Công ty xin hưởng loại trừ cũng phải trả lời một bản câu hỏi điều tra

và phải tham gia thẩm tra (nếu cần thiết).

Đơn đề nghị loại trừ phải được nộp trong khoảng thời gian quy định tại thông báo khởi xướng điều tra. EC, sau khi tham vấn với Ủy ban Tư vấn, sẽ xác định liệu việc loại trừ đó có được phép trong giai đoạn đăng ký. Tuy nhiên, quyền đưa ra kết luận này sẽ được EC thực hiện nếu đơn kiện được nộp trong giai đoạn áp thuế.

Việc nộp đơn xin hưởng loại trừ cũng có thể được thực hiện sau khi áp thuế chống lẫn tránh (mở rộng áp thuế CBPG/CTC) (đối với các doanh nghiệp không xuất khẩu trong thời kỳ điều tra và các doanh nghiệp khác). Nếu được cấp loại trừ, thuế không được thu từ ngày yêu cầu loại trừ.





Trong trường hợp loại trừ được cấp, hàng nhập khẩu từ nhà xuất khẩu được loại trừ sẽ không phải nộp thuế nếu có hoá đơn thương mại hợp lệ bao gồm tất cả các yếu tố mà EC thường yêu cầu tại Phụ lục quyết định mở rộng biện pháp (tên công ty, mô tả chính xác hàng hoá, xác nhận bởi công ty là hàng do chính công ty sản xuất).

Sau một năm kể từ khi áp dụng biện pháp chống lẩn tránh thuế, và trong trường hợp số lượng các bên yêu cầu hoặc có thể yêu cầu loại trừ là nhiều đáng kể, EC có thể khởi xướng rà soát chống lẩn tránh thuế và phải kết thúc trong 15 tháng. Khi đó, EC điều tra xem liệu hành vi lẩn tránh có đang tiếp tục và cũng phải kiểm tra các phép thử (60% và 25%) như cuộc điều tra lẩn tránh ban đầu. Bên cạnh đó, EC cũng xem xét liệu việc không tồn tại hành vi lẩn tránh có phải là mang bản chất lâu dài.

Bước 3. Thẩm tra tại chỗ

Các nhà xuất khẩu/nhập khẩu sau khi nộp bản trả lời bản câu hỏi điều tra sẽ tham gia cuộc thẩm tra tại chỗ (thời gian theo sắp xếp của EC).

Bước 4. Ban hành báo cáo cuối cùng

Sau khi EC công bố báo cáo cuối cùng, các bên liên quan được quyền bình luận.

Bước 5. Kết luận cuối cùng (trong vòng 9 tháng kể từ ngày khởi xướng)

- Kết luận cuối cùng *phủ định* (không có hành vi lẩn tránh thuế): các doanh nghiệp được tiếp tục xuất khẩu vào EU theo biểu thuế quan thông thường.

- Kết luận cuối cùng *khẳng định* (có hành vi lẩn tránh thuế): thuế CBPG/CTC đang áp với nước bị điều tra trong vụ việc ban đầu được mở rộng sang nước bị điều tra chống lẩn tránh thuế kể từ ngày đăng ký nhập khẩu.

Mức thuế chống lẩn tránh (theo Điều 13.1 quy định về phá giá và Điều 23.1 quy định về chống trợ cấp): nếu kết luận có hành vi lẩn tránh, mức thuế cao nhất có thể áp là mức thuế “dành cho các nhà xuất khẩu khác” áp trong cuộc điều tra ban đầu với hàng nhập khẩu từ nước X. Trong trường hợp lẩn tránh bởi công ty có mức thuế

riêng rẽ thấp thì công ty lẩn tránh sẽ phải chịu mức thuế chung và không còn được lợi từ mức thuế riêng rẽ. Trong trường hợp nhập khẩu linh kiện, thuế sẽ được áp cho trị giá của các linh kiện nhập khẩu bởi công ty gia công, lắp ráp.

Không có giới hạn thời gian đối với việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh thuế (thông thường biện pháp chống lẩn tránh thuế chấm dứt nếu biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp ban đầu hết hiệu lực).

- **Rà soát:** Nếu EC kết luận trong kết quả rà soát điều tra thuế CBPG/CTC (rà soát giữa kỳ hoặc rà soát cuối kỳ, hoặc kết hợp rà soát giữa kỳ và cuối kỳ) cho thấy thuế CBPG/CTC hiện tại cần được giữ nguyên/sửa đổi, thì thuế chống lẩn tránh thuế CBPG/CTC sẽ được giữ nguyên/sửa đổi tương ứng. Việc rà soát biện pháp chống lẩn tránh thuế sẽ được tiến hành sau ít nhất 1 năm. Không có rà soát cuối kỳ biện pháp chống lẩn tránh thuế.

Nhận xét: Mặc dù quy định là thủ tục của một vụ điều tra CBPG/CTC có thể được áp với một vụ điều tra chống lẩn tránh thuế, nhưng hai

loại điều tra này cũng có các quy định khác nhau, đặc biệt là trong giai đoạn điều tra. Điều tra phá giá/trợ cấp và điều tra thiệt hại được tiến hành riêng rẽ trong một vụ điều tra CBPG/CTC. Tuy nhiên, điều tra chống lẩn tránh thuế tập trung vào việc liệu hành vi lẩn tránh có đã xảy ra hay không.

4. Một số vấn đề lưu ý

- Quy định hiện hành của EU có *định nghĩa* về lẩn tránh (Điều 13:1 của Quy định 1036 về CBPG và Điều 23:3 của Quy định 1037 về CTC). Với quy định quét này, cơ quan điều tra có quyền rất lớn để áp dụng một biện pháp cụ thể đối với bất kỳ hành vi nào bị cáo buộc là lẩn tránh. Mặc dù Điều 13:1 và Điều 23:3 quy định rõ một số loại lẩn tránh (bao gồm thay đổi nhỏ sản phẩm, chuyển tải qua nước thứ 3, cấu trúc lại cách thức và kênh bán hàng; và riêng với Điều 13:1 có thêm hoạt động lắp ráp), rõ ràng là bất kỳ hành vi lẩn tránh nào khác, ngoài các hành vi nêu ở trên, cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 13:1 và Điều 23:3, theo như lời văn của Điều này. Hơn nữa, lời văn của Điều 13:1 và Điều 23:3 không rõ ràng do thiếu các tiêu chí hoặc hướng dẫn cụ thể về các loại lẩn tránh cụ thể. Tình huống này tồn tại mặc dù thực tế là tên của một số loại hành vi lẩn tránh đã được quy định tại lời văn Điều 13:1 và Điều 23:3. Việc thiếu các chi tiết cùng với thẩm quyền do quy định quét nêu ra đã khiến cho cơ quan điều tra có tầm kiểm soát không bị hạn chế trong các cuộc điều tra chống lẩn tránh. Tuy nhiên, mặt khác, thẩm quyền không bị hạn chế này cũng cho phép một mức độ linh hoạt nhất định. Điều này sẽ dẫn tới việc nhà xuất khẩu/sản xuất nước ngoài sẽ dễ bị “đánh”. Nếu xét sơ bộ thì quy định hiện tại của EU không mâu thuẫn trực tiếp với các nguyên tắc hiện tại của WTO. Do WTO không có quy định về chống lẩn tránh thuế, và do đó thiếu những tiêu chuẩn chi tiết để đánh giá mặt được, chưa được của quy định EU.

- Quy định về hệ thống *đăng ký* cho phép áp thuế CBPG/CTC hồi tố trong trường hợp có lẩn tránh. Theo hệ thống này, hàng nhập khẩu có thể phải đăng ký sau khi có yêu cầu từ ngành sản xuất của EU mà có đủ

bằng chứng để yêu cầu đăng ký, và việc mở rộng biện pháp CBPG/CTC do đó được áp dụng từ ngày mà áp dụng việc đăng ký. Tuy nhiên, luật không chỉ rõ là khi nào thì có thể đăng ký. Hơn nữa, việc áp dụng hồi tố cũng mâu thuẫn với quy định AD hiện hành liên quan đến vấn đề hồi tố (chỉ hồi tố với rà soát nhà xuất khẩu mới theo Điều 9.5 ADA, nhập khẩu ở ạt hàng phá giá theo Điều 10.6 và 10.7 ADA)¹⁸ hoặc nhập khẩu ở ạt hàng trợ cấp theo Điều 20.6 SCMA). Quy định

18 Điều 9.5 ADA: Nếu một sản phẩm phải chịu thuế chống bán phá giá tại một Thành viên nhập khẩu, các cơ quan có thẩm quyền phải nhanh chóng tiến hành rà soát để xác định biên độ phá giá cho từng trường hợp đối với những nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất của nước xuất khẩu mà đã không tiến hành xuất khẩu hàng hóa đó sang Thành viên nhập khẩu vào thời gian tiến hành điều tra với điều kiện là các nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất này phải chứng minh được rằng mình không có liên hệ gì với các nhà sản xuất và nhà xuất khẩu của nước xuất khẩu đang phải chịu lệnh áp thuế chống bán phá giá. Việc rà soát nói trên phải được tiến hành trên cơ sở khẩn trương hơn so với thủ tục áp thuế thông thường và các thủ tục rà soát tại Thành viên nhập khẩu. Không được phép đánh thuế chống bán phá giá đối với các nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất đang thuộc diện rà soát. Tuy nhiên các cơ quan có thẩm quyền có quyền giữ mức định thuế và/hoặc yêu cầu bảo lãnh để có thể đảm bảo được rằng nếu như việc rà soát đưa đến kết quả là phải đánh thuế đối với các nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất này thì thuế chống bán phá giá đó có thể được thu trên cơ sở hồi tố tính từ ngày bắt đầu việc rà soát.

Điều 10.6 ADA: Mức thuế chống phá giá chính thức có thể được áp dụng đối với các sản phẩm được nhập khẩu để tiêu dùng trong thời gian không quá 90 ngày trước khi áp dụng các biện pháp tạm thời, khi các cơ quan có thẩm quyền xác định sản phẩm bị bán phá giá sẽ căn cứ vào:

(i) đã có lịch sử bán phá giá gây thiệt hại hoặc người nhập khẩu đã biết hoặc đáng lẽ phải biết rằng người xuất khẩu đang bán phá giá và việc bán phá giá này sẽ gây thiệt hại, và

(ii) thiệt hại do bán phá giá hàng loạt đối với một sản phẩm trong thời gian tương đối ngắn, nếu xét về thời gian cũng như khối lượng hàng nhập khẩu được bán phá giá và các tình huống khác (như sự gia tăng nhanh chóng lượng hàng nhập khẩu trong kho) có thể làm giảm một cách nghiêm trọng hiệu quả điều chỉnh của thuế chống phá giá sẽ được áp dụng, với điều kiện là các nhà nhập khẩu có liên quan đã có cơ hội để phản biện.

Điều 10.7 ADA: Các cơ quan có thẩm quyền có thể, sau khi khởi xướng điều tra, có các biện pháp chẳng hạn như tạm thời ngừng việc định giá, áp thuế chính thức tùy theo yêu cầu cần thiết để thu thuế chống phá giá hồi tố, theo quy định tại khoản 6, khi các cơ quan này đã có đủ

hồi tố trong chống lẩn tránh thuế sẽ dẫn tới phạm vi áp hồi tố rộng hơn ADA, SCMA.

- Một vấn đề nữa là bên nào có *nghĩa vụ cung cấp bằng chứng*. Quy định EU ngầm hiểu rằng đó là trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong việc xác định có hành vi lẩn tránh. Tuy nhiên, nhà xuất khẩu/sản xuất bị nghi ngờ trên thực tế thường bị yêu cầu cung cấp bằng chứng để chứng minh “vô tội”. Nghĩa vụ cung cấp bằng chứng do đó đã bị chuyển từ cơ quan có thẩm quyền sang bị đơn. Do đó, bị đơn bị coi là “có tội” trước khi cơ quan điều tra ra kết luận, điều này là vi phạm quy định về pháp quyền.

- Thủ tục *loại trừ*: giống như thủ tục đăng ký, chủ yếu phụ thuộc vào quyền tự quyết của cơ quan điều tra. Tuy nhiên, không có hướng dẫn chi tiết về thủ tục, thì có nguy cơ tiềm ẩn là cơ quan điều tra lạm dụng thủ tục này và do đó lạm dụng việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh thuế. Ngoài ra, thẩm quyền không hạn chế cũng có thể ảnh hưởng đến các nhà vận động chính sách xuất hiện khi xác định liệu việc loại trừ có nên được chấp nhận hay không. Có thể cơ quan điều tra sẽ phải xem xét và cân đối quyền lợi của các bên liên quan khác nhau. Khả năng do đó khiến cho Điều 13 (4) của quy định 2016/1036, Điều 23 (6) Quy định 2016/1037 (thủ tục loại trừ) và Điều 13(1) của Quy định 2016/1036, Điều 23 (1)-(3) Quy định 2016/1037 (quy định chung) và Điều 13(2) của Quy định 2016/1036 (hoạt động gia công) cho phép EC có cơ hội để ‘sửa sai’ cho những quyết định về

bằng chứng rằng các điều kiện được đưa ra tại khoản này đã được đáp ứng.

Điều 20.6 SCMA: Trong những hoàn cảnh đặc biệt khi đối với hàng hóa trợ cấp liên quan, cơ quan có thẩm quyền thấy rằng thiệt hại là khó có thể khắc phục được do nhập khẩu với khối lượng lớn trong một thời gian ngắn sản phẩm đã được trợ cấp không phù hợp các quy định của GATT 1994 và của Hiệp định này và thấy cần thiết để ngăn ngừa tình trạng đó tái diễn, thì cơ quan có thẩm quyền có thể tính hồi tố thuế đối kháng đối với hàng nhập khẩu này, thuế đối kháng chính thức có thể được tính đối với hàng nhập khẩu đã đưa vào tiêu dùng trước đó nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu áp dụng biện pháp tạm thời.

lấn tránh của mình, điều này được coi như là một van an toàn cho EU khi xử lý các mối quan hệ với những đối tác chính của họ. Thủ tục loại trừ tại quy định chống lấn tránh thuế hiện hành của EU cho phép một số hàng nhập khẩu/nhà nhập khẩu/nhà sản xuất nước ngoài có thể thoát khỏi biện pháp chống lấn tránh thuế. Mặc dù vậy, quan ngại về thủ tục này là việc cơ quan có thẩm quyền có thể xác định như thế nào về việc liệu việc miễn trừ nên được áp cho một số bên liên quan trong vụ điều tra chống lấn tránh thuế, mà không có tiêu chí cụ thể quy định. Vấn đề này do đó dẫn đến quan ngại rằng liệu cơ quan điều tra có thẩm quyền quá rộng hay không.

- Một quan ngại nữa liên quan đến quy định của EU về chống lấn tránh thuế là liệu những quy định này có quan hệ gì với Điều 12 'quy định về việc chống bị thất thu thuế CBPG (*anti-absorption*) của Quy định 2016/1036 (không có quy định tương ứng về CTC). Điều 12 (1) xác định hành vi absorption là: sau giai đoạn điều tra ban đầu và trước hoặc sau khi áp biện pháp, giá xuất khẩu đã giảm hoặc không có sự thay đổi, hoặc sự thay đổi là không đủ trong giá bán lại hoặc giá bán sau đó của sản phẩm nhập khẩu tại EU. Quy định này liên quan đến tình hình khi các nhà xuất khẩu trực tiếp hoặc gián tiếp chịu thuế CBPG ban đầu, do đó, giảm giá xuất khẩu hoặc dẫn tới việc không có sự thay đổi (tăng giá bán lại) hoặc tăng giá không đủ. Hành vi này do các nhà xuất khẩu thực hiện và được gọi là hành vi hấp thu thuế ('absorption'). Theo đó, nhà xuất khẩu có xu hướng giảm giá xuất khẩu mà đáng lẽ phải tăng giá sau khi bị áp thuế CBPG bằng cách 'hấp thu' (absorb) khoản thuế đó. Biên độ phá giá, mà được tính là sự chênh lệch giữa giá xuất khẩu và trị giá thông thường của sản phẩm, do đó đã gia tăng. Do mục đích của thuế CBPG (được tính toán dựa trên biên độ phá giá) là để giá xuất khẩu tăng thông qua việc áp thuế, do đó làm giảm hoặc loại bỏ biên độ phá giá, hành vi absorption này đã khiến cho thuế CBPG trở nên vô hiệu. Kết quả là, EU quy định có thể áp một khoản thuế CBPG để bù lại khoản thuế đáng nhẽ nhà nhập khẩu phải trả nhưng

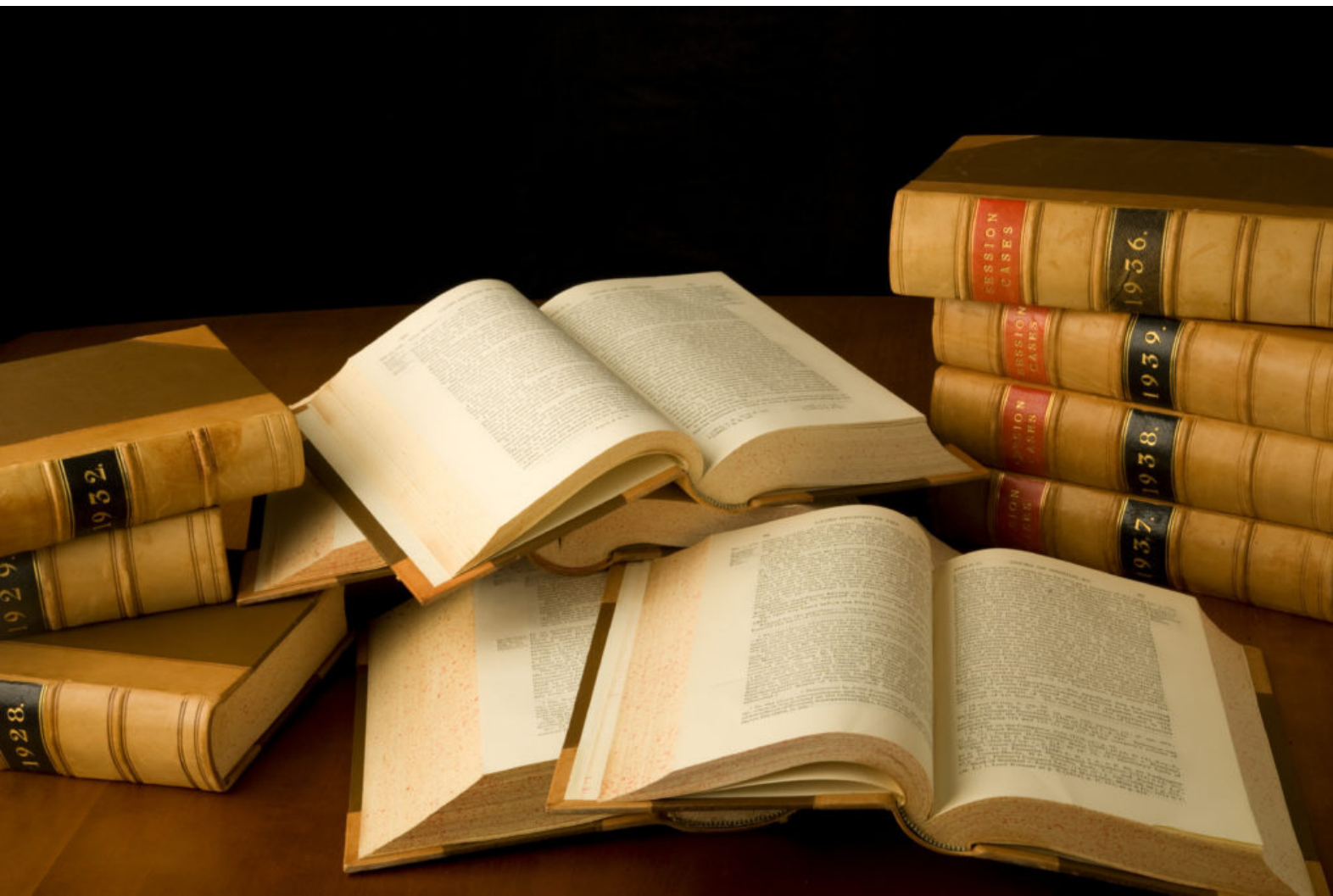
trên thực tế lại không phải trả do nhà xuất khẩu đã hạ giá bán. Do đó, biên độ phá giá có thể được tính toán lại để áp thuế CBPG bổ sung.

Mối quan hệ giữa Điều 12 và Điều 13 liên quan đến câu hỏi: Liệu Điều 12 có thể được áp cho các khoản thuế áp theo Điều 13. Giả sử một hoạt động gia công được bắt đầu sau khi áp thuế chống bán phá CBPG. Điều này dẫn tới một lệnh áp thuế CBPG mở rộng (biện pháp chống lấn tránh thuế) được áp với hàng hóa lắp ráp hoặc linh kiện theo Điều 13. Nếu thuế CBPG ban đầu sau đó được hấp thu ("absorb") bởi nhà xuất khẩu, một mức thuế CBPG bổ sung, theo Điều 12, sẽ được áp với sản phẩm. Câu hỏi sẽ được chuyển thành liệu khoản thuế CBPG được mở rộng (biện pháp chống lấn tránh thuế) có cần tính toán lại. Có nghĩa là, liệu thuế CBPG bổ sung do hành vi absorption sẽ được áp cho sản phẩm lắp ráp hoặc linh kiện hay không. Luật pháp EU hiện tại không có hướng dẫn về vấn đề này. Quy định tương ứng không chỉ rõ là Điều 12 có nằm ngoài phạm vi Điều 13 hay không. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng áp dụng Điều 12 cho Điều 13 là không phù hợp. Điều này là do lệnh áp thuế CBPG mở rộng (biện pháp chống lấn tránh thuế) được thiết kế để ngăn cản hành vi lấn tránh và do đó không cần thiết để tính toán lại biên độ phá giá và áp một lệnh áp thuế mở rộng bổ sung (biện pháp chống lấn tránh thuế) nếu biện pháp chống lấn tránh thuế ban đầu là đủ để ngăn chặn lấn tránh. Ngoài ra, 2 vấn đề thực tiễn cũng liên quan đến phần này. Thay đổi giá của sản phẩm lắp ráp chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố và hành vi absorption của nhà xuất khẩu có thể chỉ là một trong các yếu tố đó góp phần vào sự thay đổi không đủ/không thay đổi này. Một quan ngại khác là việc thiếu giá phù hợp để so sánh, do đó tính toán lại biên độ phá giá khi việc xuất khẩu toàn bộ sản phẩm đã bị thay thế bằng các linh kiện.

Giống Điều 13 (biện pháp chống lấn tránh), Điều 12 (biện pháp chống hấp thu thuế) cũng khẳng định rằng việc thực thi luật CBPG là hiệu quả. Do đó, hành vi absorption là một loại lấn tránh theo 1 nghĩa nào đó. Do đó, quy định về vấn đề anti-

absorption nên được gộp vào biện pháp chống lấn tránh do sự chồng chéo về trách nhiệm giữa 2 quy định này. Lập luận này có thể được ủng hộ trong trường hợp "absorb" thuế CBPG mở rộng (biện pháp chống lấn tránh). Trong trường hợp này, (khác với trường hợp thuế CBPG bị absorb chứ không phải biện pháp chống lấn tránh thuế bị absorb), thì quy định về anti-absorption thực chất là một biện pháp chống lấn tránh thuế nếu Điều 12 được áp cho Điều 13.

- Một nhận xét nữa liên quan đến quy định hiện hành của EU về chống lấn tránh thuế là không có *cam kết giá*. Theo quy định CBPG/CTC thông thường, 3 loại biện pháp, bao gồm biện pháp thuế tạm thời, biện pháp thuế chính thức và cam kết giá (với trợ cấp là cam kết giá hoặc cam kết loại bỏ hành vi trợ cấp) được áp để bù đắp những thiệt hại gây ra cho ngành sản xuất trong nước do hành vi phá giá/trợ cấp. Một cam kết giá do đó là một cam kết tự nguyện từ nhà xuất khẩu để thay đổi giá hoặc dừng xuất khẩu sang nước nhập khẩu với giá phá giá/giá trợ cấp. Do đó, CQĐT sẽ chấp nhận cam kết và trì hoãn hoặc chấm dứt vụ việc CBPG/CTC mà không áp biện pháp tạm thời hoặc thuế CBPG/CTC nếu đáp ứng yêu cầu rằng thiệt hại do phá giá/trợ cấp gây ra đã được loại bỏ. Theo quy định trước đây của EU vào những năm 1980, cam kết giá là một trong những biện pháp được quy định cho chống lấn tránh thuế. Theo đó, nhà xuất khẩu có thể đề nghị cam kết giá để được miễn khỏi bị áp biện pháp chống lấn tránh khi có dự kiến rằng sẽ có kết luận khẳng định về việc lấn tránh thuế. Tuy nhiên quy định hiện hành lại không có quy định về cam kết giá như là một biện pháp khắc phục cho hành vi lấn tránh.



Quy định và thực tiễn của Việt Nam về điều tra chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại

1. Cơ sở pháp lý

Các căn cứ pháp lý để tiến hành điều tra áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM) được quy định tại:

- Điều 72 Luật Quản lý Ngoại thương 2017;

- Chương V Nghị định 10/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý Ngoại thương về các biện pháp PVTM (Nghị định 10) (Điều 73-83);

- Thông tư 06/2018/TT-BCT quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp PVTM.

Điều 72 về Chống lấn tránh biện pháp PVTM của Luật Quản lý ngoại thương quy định:

- Lấn tránh biện pháp PVTM là hành vi nhằm trốn tránh một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thực thi biện

pháp PVTM đang có hiệu lực đối với hàng hóa thuộc đối tượng áp dụng biện pháp này khi nhập khẩu vào lãnh thổ Việt Nam.

- Biện pháp PVTM đang được áp dụng có thể được mở rộng trong trường hợp Cơ quan điều tra xác định có hành vi lấn tránh biện pháp.

- Căn cứ khởi xướng điều tra: yêu cầu của đại diện ngành sản xuất trong nước hoặc tự khởi xướng.

- Căn cứ vào kết luận của Cơ quan điều tra, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quyết định việc áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp PVTM đối với hàng hóa, cấu phần hàng hóa nhập khẩu từ các nước liên quan bị điều tra.

Theo quy định tại Điều 73 Nghị định 10/2018/NĐ-CP, phạm vi áp dụng biện pháp PVTM có thể được mở rộng đối với hàng hóa lấn tránh biện pháp PVTM như sau:

1. Nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư có xuất xứ từ nước bị áp dụng biện pháp PVTM nhập khẩu vào Việt Nam để sản xuất hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM;

2. Hàng hóa tương tự với hàng hóa đang bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại có xuất xứ từ nước thứ ba mà hàng hóa đó sử dụng nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư có xuất xứ từ nước đang bị áp dụng biện pháp PVTM;

3. Hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước đang bị áp dụng biện pháp PVTM có sự khác biệt không đáng kể so với hàng hóa đang bị áp dụng biện pháp PVTM;

4. Hàng hóa bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại được chuyển tải thông qua nước thứ ba;

5. Hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM được thay đổi hình thức kinh doanh và kênh phân phối để hưởng lợi từ mức áp dụng biện pháp PVTM thấp hơn mức đang áp dụng.

2. Dấu hiệu hành vi lấn tránh thuế phòng vệ thương mại

2.1. Hành vi lấn tránh thuế

Mục 1, Chương V về Chống lấn tránh biện pháp PVTM tại Nghị định 10/2018/NĐ-CP quy định các hành vi lấn tránh tại Điều 74, 75, Điều 76 và Điều 77. Cụ thể:

- Điều 74: Lấn tránh thông qua sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam

Hàng hóa mô tả tại khoản 1 Điều 73 của Nghị định này (Nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư có xuất xứ từ nước bị áp dụng biện pháp PVTM nhập khẩu vào Việt Nam để sản xuất hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM) bị coi là lấn tránh biện pháp PVTM thông qua sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Hàng hóa tương tự với hàng hóa bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại được sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam từ nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư nhập khẩu từ nước bị áp dụng biện pháp PVTM được bán với giá thấp hơn giá thông thường của hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM;

2. Nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư có xuất xứ từ nước bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại được nhập khẩu vào Việt Nam với mục đích chủ yếu để sản xuất hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM;

3. Hoạt động sản xuất, lắp ráp gia tăng đáng kể tại Việt Nam ngay trước hoặc kể từ ngày ra quyết định điều tra;

4. Nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư có xuất xứ từ nước bị áp dụng biện pháp PVTM chiếm ít nhất 60% tổng giá trị nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư để sản xuất, lắp ráp hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM tại Việt Nam.

Trong trường hợp trị giá gia tăng lớn hơn 25% tổng chi phí sản xuất hàng hóa bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại, việc nhập khẩu nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư không bị coi là lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều tra có thể xem xét tỷ lệ giá gia tăng trong tổng chi phí sản xuất khác phù hợp với đặc điểm của ngành sản xuất đó (Điều 75).

- Điều 76: Lấn tránh thông qua sản xuất, lắp ráp tại nước thứ ba

Hàng hóa được mô tả tại khoản 2 Điều 73 của Nghị định này (Hàng hóa tương tự với hàng hóa đang bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại có xuất xứ từ nước thứ ba mà hàng hóa đó sử dụng nguyên vật liệu, linh kiện

hoặc vật tư có xuất xứ từ nước đang bị áp dụng biện pháp PVTM) bị coi là lấn tránh biện pháp PVTM khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Giá xuất khẩu của hàng hóa từ nước thứ ba vào Việt Nam thấp hơn giá thông thường của hàng hóa bị điều tra áp dụng biện pháp PVTM ban đầu;

2. Khối lượng, số lượng hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam chiếm tỷ lệ lớn trong tổng lượng bán hàng của nhà sản xuất, xuất khẩu;

3. Khối lượng, số lượng hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam bắt đầu và gia tăng đáng kể ngay trước hoặc kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định điều tra;

4. Nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư có xuất xứ từ nước bị áp dụng biện pháp PVTM chiếm ít nhất 60% tổng giá trị nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư của hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM xuất khẩu vào Việt Nam.

- Điều 77: Lấn tránh thông qua thay đổi không đáng kể hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM

Hàng hóa được mô tả tại khoản 3 Điều 73 của Nghị định này (Hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước đang bị áp dụng biện pháp PVTM có sự khác biệt không đáng kể so với hàng hóa đang bị áp dụng biện pháp PVTM) được xem là lấn tránh biện pháp PVTM khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Khối lượng, số lượng nhập khẩu hàng hóa được mô tả tại khoản 3 Điều 73 của Nghị định này gia tăng đáng kể so với khối lượng, số lượng nhập khẩu hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM vào Việt Nam của nhà sản xuất, xuất khẩu.

2. Khối lượng, số lượng nhập khẩu hàng hóa được mô tả tại khoản 3 Điều 73 của Nghị định này gia tăng đáng kể ngay trước hoặc kể từ ngày ra quyết định điều tra.”

Sự khác biệt không đáng kể quy định tại khoản 3 Điều 73 của Nghị định này được xác định khi giữa hàng hóa nhập khẩu hầu như không có sự khác biệt với hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM về đặc điểm, mục đích sử dụng, kênh phân phối và chi phí. (Điều 78)

2.2 Quy định về điều tra và áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại

a. Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống lẩn tránh (Điều 79, 80 Nghị định 10)

Việt Nam quy định trường hợp có hồ sơ yêu cầu và cơ quan điều tra tự khởi xướng nếu không có hồ sơ, cụ thể:

- Có bên yêu cầu (Điều 79 Nghị định)

1. Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM bao gồm Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM và các thông tin, tài liệu có liên quan.

2. Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM gồm các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ và thông tin cần thiết khác của Bên yêu cầu;

b) Mô tả hàng hoá nhập khẩu là đối tượng bị yêu cầu áp dụng biện

pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM bao gồm tên khoa học, tên thương mại, tên thường gọi; thành phần; các đặc tính vật lý, hóa học cơ bản; mục đích sử dụng chính; quy trình sản xuất; tiêu chuẩn, quy chuẩn của quốc tế và Việt Nam; mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và mức thuế nhập khẩu có hiệu lực áp dụng theo biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu tại từng thời kỳ;

c) Mô tả khối lượng, số lượng của hàng hoá nhập khẩu quy định tại Điều 73 của Nghị định này;

d) Mô tả khối lượng, số lượng của hàng hoá tương tự được sản xuất trong nước;

đ) Thông tin về giá xuất khẩu của hàng hoá được mô tả theo quy định tại điểm b khoản này tại thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam trong thời hạn tối thiểu 12 tháng trước khi Bên yêu cầu nộp Hồ sơ hoặc trước khi Cơ quan điều tra lập hồ sơ theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

e) Thông tin, số liệu, chứng cứ về các hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM mà Bên yêu cầu cáo buộc;

g) Tên, địa chỉ và thông tin cần thiết khác của tất cả Bên bị yêu cầu;

h) Yêu cầu cụ thể về việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM, thời hạn áp dụng và mức độ áp dụng.

- Tự khởi xướng (Điều 80 Nghị định)

Trong trường hợp không có Bên yêu cầu nhưng có dấu hiệu về hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM, cơ quan điều tra tiến hành lập Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM gửi Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét quyết định điều tra.

b. Trình tự, thủ tục, nội dung điều tra (Điều 81 Nghị định)

- Xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của Hồ sơ:

+ Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Hồ sơ yêu cầu, CQĐT có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ và hợp lệ của Hồ sơ yêu cầu.

+ Trong trường hợp Hồ sơ yêu cầu chưa đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan điều tra thông báo cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và tổ chức, cá nhân đó có ít nhất 30 ngày để bổ sung các nội dung còn thiếu theo yêu cầu của CQĐT.

- Thẩm định Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét quyết định điều tra căn cứ kết quả thẩm định Hồ sơ yêu cầu của CQĐT.

- Nội dung điều tra:

+ Xác định hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM;

+ Sự thay đổi dòng chảy thương mại từ các nước xuất xứ hoặc nước xuất khẩu hàng hóa sau khi quyết định áp dụng biện pháp PVTM có hiệu lực và sự thay đổi này là nguyên nhân của việc lẩn tránh biện pháp PVTM đang có hiệu lực;

+ Thiệt hại của ngành sản xuất trong nước hoặc sự giảm hiệu quả của biện pháp PVTM đang có hiệu lực.

c. Thời hạn điều tra (Điều 82 Nghị định 10):



Không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định điều tra. Trong trường hợp đặc biệt, Bộ trưởng Bộ Công Thương có thể quyết định gia hạn điều tra nhưng không quá 06 tháng.

d. Áp dụng biện pháp chống lẩn tránh (Điều 83 Nghị định 10)

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi Cơ quan điều tra gửi kết luận cuối cùng, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM.

- Trong PVTM đang có hiệu lực sẽ được mở rộng áp dụng đối với từng nhà sản xuất, xuất khẩu hàng hóa được mô tả tại Điều 73 của Nghị định này và xác định có hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM.

- Thời hạn áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM chấm dứt khi thời hạn áp dụng biện pháp PVTM ban đầu hết hiệu lực.

3. Số lượng vụ việc điều tra, áp thuế chống lẩn tránh biện pháp PVTM

Kể từ khi Luật Quản lý ngoại thương bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2018, cho đến nay, CQĐT của Việt Nam chưa tiếp nhận Hồ sơ yêu cầu điều tra lẩn tránh biện pháp CBPG, CTC nào mà chỉ nhận được 1 hồ sơ yêu cầu điều tra lẩn tránh biện pháp tự vệ với thép dây, thép cuộn, cụ thể như sau:

Ngày 25 tháng 12 năm 2015, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ký Quyết định số 14296/QĐ-BCT về việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với một số sản phẩm phôi thép, thép dài nhập khẩu (SG04).

Ngày 18 tháng 7 năm 2016, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 2968/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp tự vệ chính thức đối với sản phẩm phôi thép và thép dài nhập khẩu vào Việt Nam và Quyết định số 538/QĐ-BCT ngày 09 tháng 02 năm 2018 về việc sửa đổi Quyết định 2968) với hàng hóa có (13) mã HS: 5 mã phôi thép (7207.11.00; 7207.19.00; 7207.20.29; 7207.20.99; 7224.90.00); 8 mã thép dài (7213.10.10; 7213.10.90; 7213.91.20; 7214.20.31; 7214.20.41; 7227.90.00; 7228.30.10; 9811.00.00) trong 4 năm (từ ngày 02/8/2016-21/3/2020) với mức thuế với sản

phẩm thép dài là 15,4% (năm đầu tiên) và giảm dần 13,9% (năm thứ 2), 12,4% (năm thứ 3) và 10,9% (năm thứ 4- mức thuế hiện nay).

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, Cục Phòng vệ thương mại – Bộ Công Thương nhận được Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Hải Dương và Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên đối với các sản phẩm thép có mã HS: 7213.91.90; 7213.99.90; 7217.10.10; 7217.10.29; 7229.90.99; 9839.10.00 và 9839.20.00.

Bên yêu cầu cho rằng có hiện tượng lẩn tránh biện pháp tự vệ đối với 07 mã HS nêu trên đối với thép dây, thép cuộn *không hợp kim*. Cụ thể:

+ Mô tả hàng hóa thuộc các mã HS này đều là “sắt hoặc thép không hợp kim, dạng thanh và que, loại khác” hoặc “dây của sắt hoặc thép không hợp kim, loại khác”. Theo đó, nhà nhập khẩu có thể khai sản phẩm thép cuộn, thép dây thuộc các mã 7213.10.10, 7213.10.90, 7213.91.20, 7227.90.00 đang bị áp thuế tự vệ (thép cốt bê tông, dùng trong xây dựng) sang các mã 7213.91.90, 7213.99.90, 7217.10.10; 7217.10.29; 7229.90.99; 9839.10.00; 9839.20.00 (7 mã bị điều tra chống lẩn tránh, không bị áp thuế tự vệ, có mô tả tương tự, không có nhiều khác biệt đối với các mã HS chịu thuế) mà vẫn đáp ứng mô tả của các mã này trong biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu. Bên cạnh đó, thuế nhập khẩu của Việt Nam đối với 7 mã nêu trên từ các nước sản xuất thép lớn như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc là thấp hơn hoặc ngang bằng với thuế nhập khẩu đối với các mã chịu thuế tự vệ. Do vậy, nhà nhập khẩu có xu hướng kê khai chuyển mã HS đối với sản phẩm thép cuộn, thép dây để tránh nộp thuế tự vệ.

+ Thép cuộn, thép dây nhập khẩu có dấu hiệu lẩn tránh biện pháp tự vệ không có điểm khác biệt đáng kể so với thép cuộn, thép dây sản xuất tại Việt Nam.

+ Theo số liệu cung cấp, hàng hóa bị nghi ngờ lẩn tránh gia tăng đáng kể so với lượng hàng hóa bị áp dụng biện pháp tự vệ và có sự gia tăng đáng kể kể

từ ngày Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quyết định điều tra.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2622/QĐ-BCT về điều tra vụ việc (AC01.SG04). Theo đó, các nội dung điều tra gồm:

- Xác định hành vi lẩn tránh biện pháp, theo đó theo Điều 77 Nghị định 10, hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước đang bị áp dụng biện pháp PVTM có sự khác biệt không đáng kể so với hàng hóa đang bị áp dụng biện pháp PVTM (hàng hóa bị cáo buộc lẩn tránh) (khoản 3 Điều 73 Nghị định 10) khi đáp ứng các điều kiện sau:

+ Khối lượng, số lượng nhập khẩu hàng hóa bị cáo buộc lẩn tránh *gia tăng đáng kể so với khối lượng, số lượng nhập khẩu hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM* vào Việt Nam của nhà sản xuất, xuất khẩu;

+ Khối lượng, số lượng nhập khẩu của hàng hóa bị cáo buộc lẩn tránh gia tăng đáng kể *ngay trước hoặc kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định điều tra*.

- Sự thay đổi *dòng chảy thương mại* từ các nước xuất xứ hoặc nước xuất khẩu hàng hóa sau khi quyết định áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại có hiệu lực và sự thay đổi này là nguyên nhân của việc lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đang có hiệu lực;

- *Thiệt hại* của ngành sản xuất trong nước hoặc *sự giảm hiệu quả của biện pháp* phòng vệ thương mại đang có hiệu lực.

- Xem xét *liệu đặc điểm, mục đích sử dụng, kênh phân phối và chi phí* giữa hàng hóa nhập khẩu với hàng hóa bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại hầu như không có sự khác biệt.

Vụ việc đã trải qua các trình tự, thủ tục điều tra như: nhận bản trả lời câu hỏi của doanh nghiệp, tiến hành thẩm tra tại chỗ doanh nghiệp sản xuất trong nước và doanh nghiệp nhập khẩu; tổ chức phiên tham vấn công khai vào giữa tháng 1/2019.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, căn cứ trên báo cáo của Cơ quan điều tra, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 1230/QĐ-BCT về việc áp

dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM đối với các sản phẩm thép dây, thép cuộn nhập khẩu vào Việt Nam dưới hình thức thuế nhập khẩu bổ sung với mức thuế là **10,9%** kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2019 đến hết ngày 21 tháng 3 năm 2020 (nếu biện pháp tự vệ ban đầu không gia hạn).

Việc áp dụng biện pháp dựa trên các căn cứ như sau:

Vụ việc tự vệ với phôi thép, thép dài được áp thuế tạm thời từ tháng 3 năm 2016. Đến tháng 7 năm 2016, biện pháp tự vệ chính thức được áp dụng với hiệu lực đến tháng 3 năm 2020 nhằm đảm bảo ngành sản xuất trong nước trước sức ép từ hàng nhập khẩu gia tăng ồ ạt. Tuy nhiên, một điều đáng lưu ý là ngay sau khi Bộ Công Thương bắt đầu áp thuế, lượng nhập khẩu thép cuộn bị áp thuế tự vệ (chủ yếu là thép cuộn hợp kim) đã giảm đột ngột, từ hơn 1,15 triệu tấn năm 2015 xuống còn khoảng 700 nghìn tấn năm 2018.

Ở chiều ngược lại, thép cuộn không hợp kim nhập khẩu vào Việt Nam lại có tốc độ gia tăng “chóng mặt” trong giai đoạn tương ứng. Theo số liệu hải quan, lượng thép cuộn nhập khẩu dưới các mã HS tương tự không bị áp thuế tự vệ (chủ yếu là thép cuộn không hợp kim) đã tăng từ 230 nghìn tấn năm 2015 lên 792 nghìn tấn năm 2016 (tăng 244,16% so với cùng kỳ).

Trên thực tế, thép cuộn hợp kim với tỷ lệ hợp kim ở mức không đáng kể và thép cuộn không hợp kim có thể thay thế được cho nhau cả về giá cả và mục đích sử dụng. Rất nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam, đã phải có chính sách để chống lại việc nhiều nhà sản xuất chỉ đưa một lượng hợp kim nhỏ vào thép nhằm lẩn tránh thuế nhập khẩu thường ở mức cao cho thép không hợp kim. Chính vì vậy, ngay sau khi phát hiện hành vi “lẩn tránh” thuế tự vệ như trên, tháng 3 năm 2017, Hiệp hội Thép Việt Nam đã kiến nghị lên Thủ tướng Chính phủ và Bộ Công Thương mở rộng áp dụng biện pháp tự vệ đối với các sản phẩm này và sau đó, vào tháng 5 năm 2018, đại diện của ngành sản xuất trong nước đã nộp Hồ sơ yêu cầu điều tra chống lẩn tránh biện pháp tự vệ. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu thập số liệu thông qua bản trả lời câu hỏi của doanh nghiệp, tiến hành thẩm tra tại chỗ doanh nghiệp sản xuất trong nước và doanh nghiệp nhập khẩu; tham vấn, lấy ý kiến của các bên liên quan như nhà sản xuất trong nước, nhà nhập khẩu, các công ty sử dụng thép cuộn làm nguyên liệu đầu vào... Cơ quan điều tra cũng đã tổ chức phiên tham vấn công khai vào tháng 01 năm 2019 để tất cả các bên liên quan có thể trình bày quan điểm của mình.

Kết quả điều tra cho thấy có hành vi lẩn tránh biện pháp tự vệ đối với

thép dài và hành vi lẩn tránh này đã gây thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước. Trong bối cảnh kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, trước áp lực các vụ việc điều tra phòng vệ thương mại trên toàn thế giới đối với sản phẩm thép và xung đột thương mại Mỹ - Trung ngày càng căng thẳng, việc các nhà sản xuất thép nước ngoài tìm mọi cách để xuất khẩu sang những nơi chưa dựng “hàng rào” thuế như Việt Nam là điều dễ hiểu. Vì vậy, mặc dù các nhà sản xuất thép cuộn của Việt Nam đã đầu tư nhà máy, tăng công suất để đủ cho nhu cầu trong nước nhưng vẫn đang phải hoạt động dưới công suất thiết kế. Bên cạnh đó, trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiếp thu kiến nghị của các bên liên quan về phạm vi hàng hoá, trên cơ sở đó đã loại trừ một số sản phẩm thép cuộn trong nước chưa sản xuất được nhằm đảm bảo lợi ích của tất cả các bên liên quan. Cho đến nay, Cơ quan điều tra đã miễn trừ cho một số công ty thép (Daeho Việt Nam, Lâm Viễn Vĩnh Phúc, Vĩnh Thành, Sunway) đối với một số sản phẩm thép trong nước chưa sản xuất được, dùng trong ngành chế tạo sản xuất nguyên liệu đầu vào cho ngành chế tạo linh kiện xe, bu lông, ốc vít, đai ốc, vòng đệm, chốt hãm...

Biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại lần đầu được áp dụng tại Việt Nam cho thấy nỗ lực của Chính phủ về việc đảm bảo hiệu quả các biện pháp đang thực thi, nhằm tạo môi trường cạnh tranh công bằng, thuận lợi, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nước và công ăn việc làm của người lao động, chống gian lận thương mại, đồng thời giảm khả năng hàng hóa nước ngoài “mượn đường” Việt Nam để gia công xuất khẩu, dẫn đến nguy cơ bị nước ngoài điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh PVTM./.



TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ CẢNH BÁO

Trung tâm Thông tin và Cảnh báo là đơn vị trực thuộc Cục Phòng vệ thương mại được thành lập theo quy định tại Quyết định số 3752/QĐ-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức thuộc Cục Phòng vệ thương mại;

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

1. Tổ chức, xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về phòng vệ thương mại;
2. Xây dựng, vận hành và quản lý mạng thông tin điện tử và các trang thông tin điện tử của Cục;
3. Phát triển các hoạt động dịch vụ thông tin phục vụ yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Cục trưởng;
4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong, ngoài Cục biên tập, phát hành các ấn phẩm định kỳ giới thiệu, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các chính sách có liên quan về lĩnh vực phòng vệ thương mại và các hoạt động khác của Cục.
5. Vận hành, duy trì và phát triển hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin của Cục;
6. Chủ trì công tác cảnh báo sớm các vụ việc chống bán phá giá đối với hàng Việt Nam xuất khẩu ra nước ngoài.
7. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Cục tổ chức công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các chính sách có liên quan đến phòng vệ thương mại;
8. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Cục tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác phòng vệ thương mại;
9. Tổ chức khảo sát, điều tra các lĩnh vực liên quan đến phòng vệ thương mại;
10. Tham gia hỗ trợ và phối hợp với các đơn vị thuộc Cục trong công tác nghiên cứu và phân tích thông tin theo chỉ đạo của Cục trưởng;
11. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thông tin về phòng vệ thương mại;
12. Tìm kiếm các nguồn hỗ trợ trong nước và quốc tế để thực hiện nhiệm vụ được giao;
13. Quản lý tổ chức, biên chế, tài chính và tài sản được giao theo quy định;
14. Theo dõi và cập nhật thường xuyên các mặt hàng có nguy cơ bị điều tra, áp thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp, các mặt hàng có nguy cơ bị lẩn tránh thuế.
15. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Cục trưởng và theo quy định của pháp luật.



BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI